

BÁO CÁO

GIỚI HẠN TRÊN BIỂN SỐ 150

(BẢN DỊCH)

Bản tóm tắt các điểm chính.....	2
Giới thiệu	3
Tổng quan Địa lý Biển Đông.....	4
Cơ sở phân tích.....	6
Tóm tắt các yêu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông	6
Tuyên bố chủ quyền đối với các thực thể trên biển	7
Đường cơ sở	8
Vùng biển	9
Quyền lịch sử	10
Phân tích các Yêu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông	12
Các yêu sách chủ quyền đối với các thực thể biển.....	12
Các Vùng biển.....	26
Quyền Lịch sử.....	29
Kết luận.....	31
Phụ lục.....	33
Trích đoạn các Công hàm Ngoại giao của Chính phủ CHND Trung Hoa.....	33
Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa về đường cơ sở xác định lãnh hải, ngày 15/5/1996	35
Độ dài đường cơ sở “Quần đảo Tây Sa”	37

Bản tóm tắt các điểm chính

Nghiên cứu này xem xét các yêu sách biển của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHND Trung Hoa) trên Biển Đông. Các yêu sách biển bành trướng của CHND Trung Hoa ở Biển Đông không phù hợp với luật pháp quốc tế như được phản ánh trong Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (Công ước/UNCLOS).

CHND Trung Hoa khẳng định bốn loại yêu sách biển* ở Biển Đông:

- **Yêu sách chủ quyền đối với các thực thể trên biển.** CHND Trung Hoa yêu sách “chủ quyền” đối với hơn một trăm thực thể ở Biển Đông, vốn chìm dưới mặt nước biển khi thủy triều dâng cao và nằm ngoài giới hạn hợp pháp của lãnh hải của bất kỳ quốc gia nào. Những yêu sách như vậy không phù hợp với luật pháp quốc tế, theo đó các thực thể như vậy không phải là đối tượng của một yêu sách chủ quyền hợp pháp hoặc không có khả năng tạo ra các vùng biển như lãnh hải.
- **Đường cơ sở thẳng.** CHND Trung Hoa đã vẽ hoặc khẳng định quyền được vẽ “các đường cơ sở thẳng” bao quanh các đảo, vùng nước và các thực thể chìm trong các vùng không gian đại dương rộng lớn ở Biển Đông. Không có nhóm nào trong số bốn “nhóm đảo” mà CHND Trung Hoa yêu sách chủ quyền ở Biển Đông (“Quần đảo Đông Sa,” “Quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa của Việt Nam - người dịch chú thích),” “Quần đảo Trung Sa,” và “Quần đảo Nam Sa” (Trường Sa của Việt Nam - người dịch chú thích) đáp ứng các tiêu chí địa lý cho việc sử dụng các đường cơ sở thẳng theo UNCLOS. Ngoài ra, không có một quy chế tập quán quốc tế đặc biệt nào ủng hộ quan điểm của CHND Trung Hoa rằng nước này có thể xác định các đường cơ sở thẳng bao quanh các nhóm đảo.
- **Các vùng biển.** CHND Trung Hoa khẳng định các yêu sách về nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa dựa trên việc coi mỗi nhóm đảo trên Biển Đông mà nước này yêu sách chủ quyền là “một thực thể đơn nhất”. Yêu sách này không được luật pháp quốc tế cho phép. Phạm vi của các vùng biển phải được tính từ các đường cơ sở được thiết lập hợp pháp, thường là ngấn nước thủy triều thấp dọc theo bờ biển. Trong các vùng biển mà nước này yêu sách, CHND Trung Hoa cũng đưa ra nhiều yêu sách về quyền tài phán không phù hợp với luật pháp quốc tế.
- **Các quyền lịch sử.** CHND Trung Hoa khẳng định có “các quyền lịch sử” ở Biển Đông. Yêu sách này không có cơ sở pháp lý và được CHND Trung Hoa khẳng định mà không có bất kỳ diễn giải cụ thể nào về bản chất của “các quyền lịch sử” mà nước này đã yêu sách.

Ảnh hưởng tổng thể của các yêu sách biển này là việc CHND Trung Hoa yêu sách chủ quyền hoặc một số loại đặc quyền tài phán đối với gần như toàn bộ Biển Đông một cách bất hợp pháp. Những yêu sách này làm suy yếu nghiêm trọng thượng tôn pháp luật trên biển và nhiều điều khoản của luật quốc tế được công nhận rộng rãi như được phản ánh trong UNCLOS. Vì lý do này, Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác đã bác bỏ những yêu sách này của CHND Trung Hoa để ủng hộ trật tự hàng hải quốc tế dựa trên luật lệ ở Biển Đông và trên toàn thế giới.

* Các đảo trên Biển Đông mà CHND Trung Hoa yêu sách chủ quyền cũng là đối tượng của yêu sách chủ quyền của nhiều quốc gia khác. Nghiên cứu này chỉ xem xét các yêu sách vùng biển của CHND Trung Hoa và không xem xét giá trị của các yêu sách chủ quyền đối với các đảo ở Biển Đông của CHND Trung Hoa hay của các quốc gia khác. Hoa Kỳ không có quan điểm về việc nước nào có chủ quyền đối với các đảo ở Biển Đông, vốn không phải là vấn đề được quy định bởi luật biển.

Giới thiệu

Nghiên cứu này được xây dựng dựa trên báo cáo *Giới hạn trên biển số 143* (2014) phân tích yêu sách “đường đứt đoạn” không rõ ràng của CHND Trung Hoa (CHND Trung Hoa) ở Biển Đông.¹ *Giới hạn trên biển số 143* kết luận rằng đường đứt đoạn của CHND Trung Hoa không phải ranh giới quốc gia hợp lệ, yêu sách theo đường này không phải yêu sách hợp lệ về quyền lịch sử tại Biển Đông. Nghiên cứu cũng kết luận, các yêu sách biển của CHND Trung Hoa trong đường đứt đoạn chỉ phù hợp với luật quốc tế nếu giới hạn trong các vùng biển phát sinh từ thực thể đất liền (như từ lục địa và đảo), theo các điều khoản có liên quan của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS).²

Năm 2016, sau khi xem xét yêu sách của CHND Trung Hoa, Tòa trọng tài xác lập bởi UNCLOS đã đưa ra kết luận tương tự trong *Vụ kiện Biển Đông (Cộng hòa Philippines kiện Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)*. Tòa trọng tài đã đưa ra phán quyết thống nhất chung thẩm và ràng buộc đối với Philippines và CHND Trung Hoa³ rằng:

Yêu sách của CHND Trung Hoa về quyền lịch sử, quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán khác đối với các khu vực tại Biển Đông bao gồm phần liên quan của “đường 9 đoạn” là trái với UNCLOS và không có hiệu lực pháp lý vì vượt quá giới hạn địa lý và thực chất các quyền trên biển CHND Trung Hoa được hưởng theo UNCLOS... UNCLOS thay thế mọi quyền lịch sử, quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán khác vượt quá giới hạn UNCLOS đề ra.⁴

Ngay sau khi phán quyết được ban hành, CHND Trung Hoa đưa ra tuyên bố⁵ và sách trắng⁶ mới, trong đó nêu cách diễn giải mới về các yêu sách biển ở Biển Đông. CHND Trung Hoa cũng đã gửi nhiều công hàm lên Liên Hợp quốc và các quốc gia thành viên, trong đó mô tả các yêu sách ở Biển Đông của nước này bằng các thuật ngữ tương tự (Phụ lục 2). Các tài liệu này đề cập đến một loạt các yêu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông, bao gồm yêu sách liên quan đến quyền lịch sử, đường cơ sở và các vùng biển được yêu sách từ các đảo, nhóm đảo và các thực thể trên biển khác.

Nghiên cứu *Giới hạn trên biển 150* xem xét các diễn giải mới về yêu sách Biển Đông của CHND Trung Hoa sau khi phán quyết trong *Vụ kiện Biển Đông* được công bố. Vì CHND Trung Hoa không cụ thể hóa yêu sách Biển Đông trong luật hoặc quy định trong nước, nghiên cứu này dựa trên các tuyên bố chính thức của CHND Trung Hoa, các văn bản lập trường và các trao đổi kênh ngoại giao để đánh giá đặc điểm và tương thích của các yêu sách này với luật pháp quốc tế.

Phần tiếp theo cung cấp Tổng quan Địa lý Biển Đông. Sau đó, phần Cơ sở phân tích: i) tóm tắt các yêu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông và bàn về các quy định của luật biển quốc tế có liên quan đến các yêu sách đó; ii) xem xét các yêu sách biển của CHND Trung Hoa từ góc độ địa lý và pháp lý chiếu theo tính tương thích với luật biển quốc tế. Phần Kết luận tóm tắt kết quả phân tích của nghiên cứu này về yêu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông.

¹ *Giới hạn trên Biển số 143*, “Trung Quốc: Yêu sách biển ở Biển Đông,” Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2014).

² Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển, ký ngày 10/12/1982, 1833 UNTS 397 (có hiệu lực ngày 16/11/1994).

³ Như trên. Trang 296.

⁴ *Vụ kiện Tòa Trọng tài về Biển Đông (Cộng hòa Philippines kiện Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)*, Tòa Trọng tài Thường trực (PCA), Vụ số 2013-19, Phán quyết ngày 12/7/2016, đoạn 278, đăng tải trên trang website của PCA.

⁵ “Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Chủ quyền Lãnh thổ và Lợi ích trên biển của Trung Quốc,” ngày 12/7/2016, trang web của Bộ Ngoại giao CHND Trung Hoa.

⁶ “Trung Quốc tuân thủ lập trường giải quyết thông qua đàm phán các tranh chấp liên quan giữa Trung Quốc và Philippines ở Biển Đông,” ngày 13/7/2016 (sau đây gọi là *Sách trắng*), Bộ Ngoại giao Trung Quốc.

Tổng quan Địa lý Biển Đông

Biển Đông là một vùng biển lớn, nửa kín, bao bọc bởi Brunei, CHND Trung Hoa, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Đài Loan và Việt Nam (Bản đồ 1). Biển Đông có nhiều đảo nhỏ gồm các nhóm đảo cách xa đường bờ biển của các quốc gia ven biển gần nhất. Ở trạng thái tự nhiên, các đảo này có tổng diện tích đất liền chỉ khoảng 15 km². Ngoài ra, Biển Đông còn có rất nhiều bãi cạn lúc nổi lúc chìm hoặc chìm hoàn toàn, không được coi là “đảo” theo luật quốc tế.⁷

Bản đồ 1 biểu thị các thực thể liên quan đến nghiên cứu này, bao gồm:

- **Đảo Pratas (Trung Quốc gọi là Đông Sa).** Pratas là hòn đảo lẻ duy nhất tiếp giáp với Rạn san hô Pratas và nằm ở phần đông bắc Biển Đông, cách lục địa CHND Trung Hoa 130 hải lý về phía nam.
- **Quần đảo Hoàng Sa.** Quần đảo nằm ở phía tây bắc Biển Đông, gần như cách đều Hải Nam và phần đất liền Việt Nam.
- **Bãi Macclesfield.** Macclesfield là thực thể lớn và chìm hoàn toàn, nằm ở phía đông nam quần đảo Hoàng Sa. Bãi dài khoảng 70 hải lý và rộng 40 hải lý.
- **Bãi Scarborough.** Scarborough là một rạn san hô hình tam giác được bao bọc bởi các hòn đảo nhỏ, nằm giữa Macclesfield và đảo Luzon của Philippines.
- **Quần đảo Trường Sa.** Quần đảo trải dài trên một khu vực địa lý rộng lớn tại phía nam Biển Đông. Nhóm đảo này nằm xen kẽ với nhiều rạn san hô, bãi cạn và các thực thể ngập nước khác. Đảo Itu Aba (Ba Bình) là đảo lớn nhất, có diện tích dưới 0,5 km² ở trạng thái tự nhiên.
- **Bãi cạn James Shoal.** Bãi cạn James Shoal nằm về phía nam của quần đảo Trường Sa, cách bờ biển Malaysia khoảng 60 hải lý về phía bắc. Thực thể chìm này nằm dưới mực nước biển khoảng 20 mét.

CHND Trung Hoa tuyên bố chủ quyền đối với tất cả các đảo ở Biển Đông (và nhiều thực thể biển khác, như đề cập bên dưới). Mỗi đảo hoặc nhóm đảo đều được ít nhất một bên khác yêu sách: Philippines (bãi cạn Scarborough và một số thực thể tại Trường Sa), Malaysia (một số thực thể tại Trường Sa), Brunei (Bãi đá ngầm Louisa, thuộc Trường Sa), Việt Nam (Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa) và Đài Loan (tất cả các đảo và nhóm đảo). Các thực thể địa lý được mô tả phía trên nằm trong các đường đứt đoạn xuất hiện ở các vị trí khác nhau trên một số bản đồ của Chính quyền Trung Hoa Dân quốc xuất bản vào năm 1947 (Bản đồ 1).⁸ Phía nam Biển Đông có Quần đảo Natuna, có vẻ như nằm bên ngoài các đường đứt đoạn và không có tranh chấp chủ quyền lãnh thổ.

⁷ Công ước, theo chú thích 2, Điều 121 (1). Xem phần dưới.

⁸ Liên quan đến các đường đứt nét và các bản đồ lịch sử liên quan, xem *Giới hạn trên Biển số 143*, theo chú thích 1, trang 3–7.



Bản đồ 1. Bản đồ toàn cảnh Biển Đông với các thực thể chính theo đánh dấu.

Cơ sở phân tích

Cơ sở để phân tích yếu sách biển của CHND Trung Hoa trong nghiên cứu này là luật biển quốc tế, được phản ánh trong UNCLOS.⁹ CHND Trung Hoa đã phê chuẩn UNCLOS vào ngày 7/6/1996. UNCLOS có giá trị ràng buộc đối với CHND Trung Hoa và các bên khác như vấn đề của luật điều ước quốc tế.¹⁰ Hoa Kỳ coi các điều khoản cơ bản của UNCLOS được trích dẫn trong phần này là phản ánh luật tập quán quốc tế có giá trị ràng buộc đối với tất cả các Quốc gia, giống như quan điểm của các tòa án và cơ quan tài phán quốc tế.¹¹

Phần sau đây mô tả ngắn gọn các yếu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông và các điều khoản của luật biển quốc tế liên quan đến các yếu sách này.

Tóm tắt các yếu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông

Nghiên cứu này đề cập đến 4 yếu sách của CHND Trung Hoa ở Biển Đông: (1) tuyên bố chủ quyền đối với các thực thể biển; (2) đường cơ sở; (3) vùng biển và (4) quyền lịch sử.

(1) *Tuyên bố chủ quyền đối với các thực thể biển.* CHND Trung Hoa tuyên bố chủ quyền đối với bốn “nhóm đảo” ở Biển Đông. Các yếu sách này bao gồm các yếu sách chủ quyền đối với các đảo thực thụ và với các thực thể biển không đáp ứng định nghĩa “đảo” theo UNCLOS,¹² ví dụ như các bãi cạn lúc chìm lúc nổi hay các thực thể nằm dưới đáy biển chìm hoàn toàn trong nước. Nghiên cứu này chỉ xem xét loại thứ hai - các thực thể biển không được coi là đảo.¹³

(2) *Đường cơ sở.* CHND Trung Hoa đã vẽ đường cơ sở thẳng xung quanh một trong các nhóm đảo Biển Đông - quần đảo Hoàng Sa (nhằm coi tất cả các vùng nước bên trong là vùng nội thủy).¹⁴ Tuy nhiên, các tuyên bố của CHND Trung Hoa chỉ ra rằng các đường cơ sở thẳng “sẽ được áp dụng” cho tất cả các đảo và nhóm đảo mà nước này tuyên bố chủ quyền.¹⁵

(3) *Các vùng biển.* Thông qua nội luật và tuyên bố đơn phương, CHND Trung Hoa yêu sách lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và thềm lục địa tại Biển Đông.¹⁶ CHND Trung Hoa khẳng định rằng các vùng biển này được “dựa trên Nam Hải chư đảo” bao gồm 4 “nhóm đảo” (và các thực thể liên quan) mà Trung Quốc yêu sách chủ quyền và xem là các thực thể thống nhất.

⁹ UNCLOS, theo chú thích 2.

¹⁰ Công ước Viên về Luật Điều ước, Điều 26, ký ngày 23/5/1969, 1155 UNTS 331 (có hiệu lực vào ngày 27/1/1980) (nêu rõ rằng, theo nguyên tắc của *pacta sunt servanda*, “mọi điều ước có hiệu lực là ràng buộc với các bên tham gia và phải được thực hiện một cách thiện chí.”).

¹¹ Xem, ví dụ, JA Roach, “Luật biển quốc tế theo tập quán ngày nay,” 45 *Ocean Dev't & Int'l L.* 239 (2014).

¹² UNCLOS, theo chú thích 2, Điều 121 (1).

¹³ Nghiên cứu này không nhằm xem xét nội dung của các tuyên bố chủ quyền của CHND Trung Hoa hoặc các quốc gia khác đối với các thực thể đất liền ở Biển Đông. Hoa Kỳ đã nhiều lần khẳng định trung lập trong vấn đề chủ quyền đối với các đảo ở Biển Đông – điều không phải nội dung được điều chỉnh bởi luật biển. Xem *Giới hạn tên Biển số 143*, xem chú thích 1, trang 11, chú thích 25.

¹⁴ *Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về đường cơ sở của lãnh hải* (Sau đây là *Tuyên bố/1996*) (Phụ lục chú thích 5 của nghiên cứu này), ngày 15/5/1996, có trên trang web của Ban Đại dương của Liên hợp quốc Các vấn đề và Luật Biển (DOALOS), phần liên quan đến các yếu sách biển của CHND Trung Hoa.

¹⁵ Xem phần dưới, ghi chú 55 và 56 và văn bản tương ứng.

¹⁶ *Luật Lãnh hải và Vùng tiếp giáp lãnh hải ngày 25/2/1992* (sau đây gọi là *Luật/1992*) (Phụ lục 3 của nghiên cứu này) và *Đạo luật về Vùng đặc quyền Kinh tế và Thềm lục địa*, ngày 26/6/1998 (sau đây là *Luật 1998*) (Phụ lục 4 của nghiên cứu này), có sẵn trên DOALOS, theo chú thích 14.

(4) *Quyền lịch sử*. Sau phán quyết của Tòa trọng tài như đã được đề cập ở trên, CHND Trung Hoa khẳng định rõ ràng yêu sách về “các quyền lịch sử” ở Biển Đông.¹⁷ Kể từ đó, CHND Trung Hoa lặp lại yêu sách này trong các văn bản trao đổi tới Liên hợp Quốc và các quốc gia thành viên Liên Hợp quốc.¹⁸

Tuyên bố chủ quyền đối với các thực thể trên biển

Nguyên tắc cơ bản của luật biển quốc tế là “đất thống trị biển”: đất là “nguồn gốc pháp lý của quyền lực” của một quốc gia ven biển để thực hiện thẩm quyền đối với vùng biển cận kề.¹⁹ Theo đó, với yêu sách về chủ quyền thực thể, ta cần phân biệt (1) các thực thể thuộc lãnh thổ đất liền theo đúng nghĩa pháp lý và (2) các thực thể chìm (dưới mực nước biển) ở trạng thái tự nhiên. Loại (1) có thể mở rộng các vùng biển, trong khi đó, quy chế pháp lý của loại (2) phụ thuộc vào vùng biển mà thực thể nằm trong.

Lãnh thổ đất liền bao gồm vùng đất lục địa và các đảo. Đây có thể là đối tượng để yêu sách chủ quyền một cách hợp pháp (có khả năng là đối tượng thụ đắc) và có thể tạo ra các vùng biển, cụ thể là lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (Bảng 1).²⁰ Điều 121 của UNCLOS định nghĩa “đảo” là “một vùng đất được hình thành tự nhiên, được bao quanh bởi nước, nổi trên mặt nước khi thủy triều lên.” Các đảo nói chung được hưởng các vùng biển giống như các lãnh thổ đất liền (lục địa) khác (Điều 121 (2)). Tuy nhiên, Đoạn 3 của Điều 121 đưa ra ngoại lệ đối với các đảo là “đảo đá không thể duy trì đời sống con người hoặc đời sống kinh tế riêng”. Loại đảo này “sẽ không có vùng đặc quyền kinh tế hoặc thềm lục địa.”

Các thực thể chìm và bãi cạn lúc chìm lúc nổi là một phần của không gian biển và quy chế của các thực thể được luật biển điều chỉnh. Chủ quyền của quốc gia ven biển kéo dài từ lãnh thổ đất liền của quốc gia tới lãnh hải liền kề. Tuy nhiên, các thực thể chìm và bãi cạn lúc chìm lúc nổi nằm ngoài ranh giới lãnh hải không thể thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển. Ngoài ra, các thực thể này dù nằm ở đâu cũng không có vùng biển riêng (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm địa lý và quyền lợi hàng hải.

Thực thể Điều khoản trong UNCLOS	Định nghĩa	Có thuộc đất liền?	Danh nghĩa vùng biển
Đảo Điều 121 (1)	- Khu vực đất hình thành tự nhiên - Được bao quanh bởi nước - Nổi trên mặt nước khi thủy triều lên	Có	Tất cả các vùng biển được xác định trong Công ước
“Đảo đá” Điều 121 (3)	Là thuật ngữ chỉ một đảo “không thể duy trì đời sống con người hoặc đời sống kinh tế riêng”	Có	Chỉ có lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải
Bãi cạn lúc chìm lúc nổi	- Khu vực đất hình thành tự nhiên - Được bao quanh bởi nước	Không	Không có nhưng ngấn nước khi triều xuống của LTE có thể

¹⁷ Tuyên bố Trung Quốc, xem chú thích 5, đoạn III (iv). Tuyên bố này đã không mô tả bản chất cơ bản của các quyền lịch sử được tuyên bố hoặc phạm vi địa lý của chúng.

¹⁸ Xem, ví dụ, các thông tin liên lạc được sao chép trong Phụ lục 2 của nghiên cứu này.

¹⁹ *Thềm lục địa Biển Bắc (Đức và Đan Mạch)*, 1969 ICJ, Rep. 3, đoạn 96, trang 52 (ngày 20/2).

²⁰ Xem, ví dụ, *Vấn đề Phân định biển và Lãnh thổ giữa Qatar và Bahrain*, ICJ 2001, Rep.40, đoạn 204–207, trang 65–66 (16/3); *Vụ kiện Trọng tài Biển Đông*, chú thích 4, đoạn 309.

(LTE) <i>Điều 13</i>	- Nổi trên mặt nước khi thủy triều xuống và chìm khi thủy triều lên		dùng làm đường cơ sở để tính chiều rộng các vùng biển nếu như LTE "nằm hoàn toàn hoặc một phần ở khoảng cách không vượt quá chiều dài lãnh hải được tính từ lục địa hay đảo"
Thực thể ngập nước	- Ngập khi thủy triều lên hay xuống	Không	Không được hưởng bất kỳ vùng biển nào
Đảo, công trình và cấu trúc nhân tạo <i>Điều 60 (8)</i>	- Do người tạo ra	Không	Không được hưởng bất kỳ vùng biển nào ²¹

Việc gọi tên các thực thể địa lý (như đảo san hô, bờ biển, đảo, rạn san hô, đá hay bãi cạn...) không quyết định quy chế pháp lý của thực thể là đảo hay thực thể chìm hay không. Thay vào đó, quy chế của thực thể chỉ dựa trên các đặc điểm thực tế liên quan đến các tiêu chí đặt ra trong UNCLOS (tóm tắt trong Bảng 1). Quy chế của một thực thể cũng phải được đánh giá dựa trên *trạng thái tự nhiên*.²² Hoạt động cải tạo đảo hoặc các hoạt động khác của con người làm thay đổi trạng thái tự nhiên của bãi cạn lúc chìm lúc nổi hoặc thực thể chìm hoàn toàn không thể biến các thực thể này thành đảo.²³ Tương tự, một đảo là “đảo đá” theo Điều 121 (3) không thể biến thành “đảo” được hưởng đầy đủ các vùng biển thông qua hoạt động bồi đắp của con người.²⁴ UNCLOS quy định rằng “các đảo, các công trình và cấu trúc nhân tạo không có quy chế đảo” (Điều 60 (8)).

Đường cơ sở

Trong Phần II của UNCLOS, luật quốc tế đưa ra các quy định xác định đường cơ sở - đường để từ đó xác định giới hạn của các vùng biển.²⁵ Điều 5 xác định đường cơ sở thông thường là “ngấn nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển, được thể hiện trên các hải đồ có tỉ lệ lớn và được quốc gia ven biển chính thức công nhận.” Các điều khoản liên quan bổ sung thuộc Điều 6 (về đá ngầm), Điều 9 (về cửa sông), Điều 10 (về vịnh), Điều 11 (về cảng), Điều 12 (về vũng tàu) và Điều 13 (bãi cạn lúc chìm lúc nổi).

UNCLOS cũng cho phép phương pháp vẽ đường cơ sở thẳng nhưng chỉ khi quốc gia ven biển đáp ứng các điều kiện nhất định, cụ thể là (1) “nơi nào bờ biển bị khoét sâu và lồi lõm” hoặc (2) nơi có một chuỗi đảo nằm sát và chạy dọc theo bờ biển” (Điều 7, khoản 1).²⁶ Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) đã kết luận rằng:

²¹ “Các khu vực an toàn” có thể được thiết lập xung quanh các đảo nhân tạo, các cấu trúc và công trình kiến trúc, theo các điều 60, 80, 147 (2) và 260 của UNCLOS.

²² UNCLOS, chú thích 2, Điều 13 (Bãi cạn lúc chìm lúc nổi) và 121 (đảo) (đề cập đến các khu vực “hình thành tự nhiên” của đất liền, khác với “đảo nhân tạo” trong Điều 60).

²³ Điều này được phản ánh trong định nghĩa của UNCLOS về đảo là một “vùng đất được hình thành tự nhiên”. Xem thêm *Vụ Trọng tài Biển Đông*, chú thích 4, đoạn 305 (“Như một khía cạnh pháp lý, các hành vi biến đổi do con người tiến hành không thể biến đáy biển thành bãi cạn lúc chìm lúc nổi hoặc biến bãi cạn thành đảo. Bãi cạn lúc chìm lúc nổi vẫn là bãi cạn theo UNCLOS dù công trình hay đảo xây trên đó có lớn cỡ nào.”).

²⁴ *Vụ Trọng tài Biển Đông*, chú thích 4, đoạn 511 (lưu ý rằng UNCLOS yêu cầu quy chế của thực thể theo Điều 121 (3) được xác định “trên cơ sở điều kiện tự nhiên trước đó của thực thể, trước khi con người sửa đổi đáng kể”).

²⁵ UNCLOS, chú thích 2, các Điều 3 (lãnh hải), 33 (vùng tiếp giáp), 57 (EEZ) và 76 (1) (thêm lục địa).

²⁶ Các quy định về đường cơ sở thẳng trong Điều 7 về cơ bản giống với các quy định tại Điều 4 Công ước 1958 về lãnh hải và vùng tiếp giáp, ký ngày 29/4/1958, 516 UNTS 205 (có hiệu lực từ ngày 10/9/1964). Theo đó, hầu hết các

... phương pháp vẽ đường cơ sở thẳng, là ngoại lệ đối với các quy tắc xác định đường cơ sở thông thường, chỉ có thể được áp dụng nếu một số điều kiện được đáp ứng. Phương pháp phải được áp dụng một cách hạn chế. Những điều kiện chủ yếu là đường bờ biển bị khoét sâu và lồi lõm, hoặc có chuỗi đảo nằm sát và dọc bờ biển.²⁷

Khi điều kiện địa lý ven biển cho phép thiết lập đường cơ sở thẳng, Điều 7 quy định các yêu cầu bổ sung đối với việc vẽ các đường cơ sở thẳng. Các điều khoản liên quan nêu rõ rằng “việc vẽ các đường cơ sở thẳng không được đi chệch quá xa hướng chung của bờ biển”, “các vùng biển ở bên trong các đường cơ sở này phải gắn với đất liền đủ đến mức đạt được chế độ nội thủy”, “đường cơ sở thẳng... không được kéo đến hoặc xuất phát từ các bãi cạn lúc chìm lúc nổi” trừ một số trường hợp hãn hữu, “hệ thống đường cơ sở thẳng sẽ không được áp dụng... nếu làm cho lãnh hải của một quốc gia khác bị tách khỏi vùng biển cả hoặc vùng đặc quyền kinh tế” (Điều 7, đoạn 3 đến đoạn 6).

Phần IV của UNCLOS đưa ra các quy tắc liên quan đến các đường cơ sở quần đảo – đường nối các điểm ngoài cùng của các đảo xa nhất và các rạn đá ngầm khô của quần đảo. Điều 47 quy định các quy tắc chi tiết để vẽ các đường cơ sở quần đảo, bao gồm cả độ dài của từng phân đoạn và tỷ lệ giữa diện tích nước với diện tích đất được bao quanh bởi các đường cơ sở (phải nằm trong khoảng từ tỷ lệ 1:1 đến 9:1). Tuy nhiên, những đường cơ sở như vậy chỉ có thể được vẽ bởi “quốc gia quần đảo” - “quốc gia được tạo thành hoàn toàn bởi một hoặc nhiều quần đảo và có thể bao gồm các đảo khác” (Điều 47 (1), 46 (a)). Phán quyết của tòa án và tòa trọng tài,²⁸ và thực tiễn vẽ đường cơ sở của các quốc gia phải là quốc gia quần đảo,²⁹ khẳng định rằng các quốc gia lục địa có quần đảo không được vẽ đường cơ sở quần đảo.

Các điều khoản của UNCLOS được đề cập ở trên quy định một cách toàn diện về các đường cơ sở mà quốc gia ven biển có thể xác lập. Nếu không đáp ứng các điều kiện cụ thể được mô tả trong các điều khoản trên, UNCLOS yêu cầu sử dụng đường cơ sở thông thường. Như đã nêu trong Điều 5, “trừ khi có quy định ngược lại trong Công ước, đường cơ sở thông thường” là ngắn nước triều thấp nhất dọc theo bờ biển.

Vùng nước ở phía đất liền của đường cơ sở là vùng nội thủy (Điều 8), bao gồm vùng nước trong các đường khép kín liên quan đến đá ngầm, cửa sông, vịnh và cảng (Điều 6, 9, 10 và 11).³⁰

Vùng biển

Luật quốc tế, như được phản ánh trong UNCLOS, bao gồm các quy tắc điều chỉnh quyền của một quốc gia ven biển đối với các vùng biển.

Phần II của UNCLOS đưa ra các quy định điều chỉnh lãnh hải – vùng biển có thể mở rộng đến 12 hải lý tính từ đường cơ sở và trong đó quốc gia ven biển thực hiện chủ quyền và tôn trọng quyền qua lại vô hại và các quy tắc khác của luật pháp quốc tế (Điều 2, 3 và 17). Các điều khoản

điều khoản đó được rút ra từ phán quyết/1951 của ICJ trong Vụ *Ngư trường (Vương quốc Anh và Na Uy)*, 1951 ICJ 116 (18/12).

²⁷ *Vụ các vấn đề phân định biển và lãnh thổ giữa Qatar và Bahrain*, chú thích 20, đoạn. 212.

²⁸ *Xem ví dụ trên*, đoạn 213–14 (đánh giá sự phù hợp của các đường cơ sở thẳng theo Điều 7 của UNCLOS, bất chấp việc Bahrain khẳng định rằng mình là một “Quốc gia quần đảo trên thực tế”); *Trọng tài Biển Đông*, chú thích 4, đoạn. 573 (“Việc sử dụng các đường cơ sở quần đảo (đường cơ sở bao quanh một quần đảo như một toàn bộ) được kiểm soát chặt chẽ bởi UNCLOS, trong đó Điều 47 (1) giới hạn việc sử dụng chỉ cho ‘các quốc gia quần đảo.’”).

²⁹ *Xem Phần Bổ sung Thực tiễn các Quốc gia* trong nghiên cứu này.

³⁰ Vùng nước phía đất liền của các đường cơ sở quần đảo là “vùng nước quần đảo”. UNCLOS, xem chú thích 2, Điều 49.

liên quan đến qua lại vô hại được quy định trong các Điều 17 đến 32. Ngoài ra, Phần II mô tả vùng tiếp giáp lãnh hải, không quá 24 hải lý tính từ đường cơ sở, trong đó quốc gia ven biển có thể thực hiện việc kiểm soát cần thiết để ngăn chặn và trừng phạt vi phạm hải quan, thuế khóa, quy định về nhập cư hoặc y tế trong lãnh thổ hoặc lãnh hải của mình (Điều 33).

Phần V của UNCLOS đưa ra các điều khoản liên quan đến EEZ, có thể kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở (Điều 57). Trong EEZ, quốc gia ven biển có nhiều quyền, đặc biệt là “quyền chủ quyền nhằm mục đích thăm dò và khai thác, bảo tồn và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên” và “quyền tài phán được quy định” trong UNCLOS liên quan đến “việc xây dựng và sử dụng các đảo, các công trình và cấu trúc nhân tạo” cũng như “nghiên cứu khoa học biển” và “bảo vệ và giữ gìn môi trường biển” (Điều 56). Đồng thời, tuân theo các quy định liên quan của UNCLOS, tất cả các quốc gia được hưởng các quyền tự do hàng hải, tự do hàng không, tự do đặt và bảo trì cáp ngầm và các hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác (Điều 58 và 87).

Phần VI UNCLOS gồm các điều khoản liên quan đến thềm lục địa – vùng mở rộng đến mép ngoài của rìa lục địa hoặc cách đường cơ sở 200 hải lý – được mô tả tại Điều 76. Quốc gia ven biển thực hiện các quyền chủ quyền nhằm thăm dò thềm lục địa và khai thác tài nguyên thiên nhiên tại đây. Những quyền này là “độc quyền” và “không phụ thuộc vào chiếm hữu thực tế, chiếm hữu danh nghĩa hay bất cứ tuyên bố rõ ràng nào” (Điều 77). Tuy nhiên, tất cả Quốc gia đều có quyền đặt đường ống và cáp ngầm dưới biển trên thềm lục địa (Điều 79).

Quyền lịch sử

Không điều khoản nào trong UNCLOS chứa đựng thuật ngữ “quyền lịch sử”. Luật quốc tế cũng không quy định cách hiểu thống nhất về nghĩa của thuật ngữ này.³¹ Các điều khoản nội dung của UNCLOS đề cập đến “vịnh lịch sử” hoặc “danh nghĩa lịch sử” trong 2 trường hợp. Thứ nhất, Điều 10 (Vịnh) quy định rằng các điều khoản liên quan đến vịnh “không áp dụng đối với các vịnh gọi là ‘vịnh lịch sử’”. Thứ hai, Điều 15 (phân định lãnh hải giữa các quốc gia có bờ biển đối diện hoặc liền kề) quy định rằng quy tắc chung điều chỉnh việc phân định lãnh hải chồng lấn “không áp dụng” trong một số trường hợp liên quan đến “danh nghĩa lịch sử hoặc các trường hợp đặc biệt khác.”³²

Những điều khoản này về cơ bản giống với những điều khoản trong Điều 7 và Điều 12 trong Công ước năm 1958 về Lãnh hải và Vùng tiếp giáp lãnh hải,³³ bị giới hạn về mặt địa lý và nội dung. Các điều khoản chỉ áp dụng đối với các vịnh và các cấu trúc ven biển gần bờ tương tự. Các điều khoản cũng chỉ được soạn thảo như giải pháp dự phòng, ví dụ như quy định tại Điều 10 và Điều 15 “không áp dụng” đối với các trường hợp vịnh lịch sử và danh nghĩa lịch sử nói trên.

Không có điều khoản nào trong UNCLOS bảo đảm “các quyền lịch sử”.³⁴ Theo đó, bất kỳ yêu sách về quyền lịch sử phải phù hợp với các quy định của UNCLOS, bao gồm cả đối với EEZ,

³¹ *Trọng tài về Biển Đông* tuyên bố rằng “thuật ngữ ‘quyền lịch sử’ chung chung về... có thể bao gồm chủ quyền nhưng cũng có thể bao gồm các quyền hạn chế hơn, chẳng hạn như quyền đánh bắt hoặc quyền tiếp cận – các quyền khác hẳn tuyên bố chủ quyền.” Xem chú thích 4, đoạn. 225.

³² Điều 298 liên quan đến các ngoại lệ với các thủ tục giải quyết tranh chấp cũng đề cập đến “các vịnh hoặc danh nghĩa lịch sử”.

³³ Công ước về Lãnh hải và Vùng tiếp giáp, xem chú thích 26.

³⁴ Về vấn đề này, nghiên cứu năm 1962 về vùng nước lịch sử do Hội nghị Geneva thông qua các Công ước về luật biển Geneva năm 1958 quy định rằng, nếu không có khoản bảo vệ danh nghĩa lịch sử, “các quy định của điều khoản phải chiếm ưu thế... Điều này dường như đi ngược lại với thực tế là các Điều 7 và 12 [của Công ước năm 1958] có các điều khoản bảo lưu rõ ràng đối với các quyền lịch sử; các điều không có điều khoản như vậy phải được coi là không thừa nhận ngoại lệ có lợi cho các quyền đó”. Int'l Law Comm'n, *Juridical Régime of Historic Waters*, 2 YB Int'l L. Comm'n 1 (1962), UN Doc. A/CN.4/143, đoạn 75.

thềm lục địa và biển cả. Trong Phán quyết vụ Vịnh Maine (1984), Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) ghi nhận: sự ra đời của thẩm quyền đặc biệt của một quốc gia ven biển đối với tài nguyên thủy sản trong phạm vi 200 hải lý của bờ biển cao hơn (chiếm ưu thế) hơn so với việc sử dụng và các quyền trước đó của các quốc gia khác trong khu vực đó.³⁵ Tòa Trọng tài trong *Vụ kiện Biển Đông* đưa ra kết luận tương tự.³⁶ Các vùng biển và giới hạn địa lý theo UNCLOS đặt ra khuôn khổ quản lý tất cả các phần của đại dương, một khuôn khổ mà mọi bảo lưu đều không được phép (Điều 309). Đặc biệt, Điều 56 và 77 của UNCLOS không cho phép yêu sách của bất kỳ quốc gia nào vi phạm quyền chủ quyền đặc quyền của quốc gia ven biển đối với EEZ và thềm lục địa, trừ phi được quy định trong UNCLOS hoặc theo thỏa thuận với các quốc gia ven biển.³⁷

³⁵ *Phân định biên giới biển tại Vịnh Maine* (Canada/Hoa Kỳ), 1984 ICJ 246, đoạn 233, 235, trang 340–341 (12/10). Đối với việc “viện dẫn các quyền lịch sử, mặc dù cách diễn đạt đó không được sử dụng [bởi Hoa Kỳ], ICJ tuyên bố rằng “vì [các khu vực đánh cá lịch sử của Hoa Kỳ chiếm ưu thế] đã trở thành một phần của vùng đặc quyền đánh cá của quốc gia láng giềng, Hoa Kỳ không thể phụ thuộc vào ưu thế đó. Rõ ràng, dù trước đây Hoa Kỳ có thể hưởng ưu đãi nào, giờ đây Hoa Kỳ không có cơ sở hợp lệ để tuyên bố kết hợp các khu vực đã trở thành một phần của Canada vào vùng đánh cá đặc quyền của mình”(nhấn mạnh thêm).

³⁶ *Trọng tài Biển Đông*, chú thích 4, đoạn 278.

³⁷ Trong các phần của UNCLOS liên quan trực tiếp đến các vùng biển, UNCLOS có một số điều khoản liên quan đến việc sử dụng biển lịch sử hoặc truyền thống. Điều 62 (3) yêu cầu các quốc gia ven biển phải tính đến “nhu cầu giảm thiểu chênh lệch kinh tế ở các quốc gia có công dân thường xuyên đánh bắt cá” (nhấn mạnh thêm) trong EEZ. Điều 51 cũng yêu cầu các quốc gia quần đảo, trong vùng nước quần đảo của họ, công nhận “quyền đánh bắt cá truyền thống và các hoạt động hợp pháp khác” (nhấn mạnh thêm) của các quốc gia láng giềng ngay lập tức. Điều khoản như vậy có thể làm cơ sở để một quốc gia ven biển tìm cách tiếp cận vùng đánh bắt cá của quốc gia ven biển khác dựa trên cách sử dụng trước đó. Tuy nhiên, các điều khoản không phải cơ sở để yêu sách chủ quyền, quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán.

Phân tích các Yêu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông³⁸

Phần này phân tích 4 loại yêu sách biển của CHND Trung Hoa ở Biển Đông: (1) yêu sách chủ quyền đối với các thực thể trên biển, (2) đường cơ sở, (3) các vùng biển và (4) quyền lịch sử. Việc phân tích các yêu sách trên biển của CHND Trung Hoa được dựa trên các quy tắc pháp lý được tóm tắt trong phần Cơ sở phân tích. Phân tích này không giải quyết các yêu sách của CHND Trung Hoa hay bất kỳ quốc gia khác về chủ quyền đối với các đảo ở Biển Đông (các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ) vì đây là vấn đề Hoa Kỳ có lập trường trung lập.³⁹

Các yêu sách chủ quyền đối với các thực thể biển

CHND Trung Hoa khẳng định chủ quyền đối với cái mà họ gọi là “*Nam Hải chư đảo*” hay các đảo ở Biển Đông và các cấu trúc khác, bao gồm “*Quần đảo Đông Sa*”, “*Quần đảo Tây Sa*”, “*Quần đảo Trung Sa*”, và “*Quần đảo Nam Sa*”.⁴⁰ Ủy ban Tên gọi Địa lý CHND Trung Hoa đã ban hành danh sách các cấu trúc địa lý liên quan đến từng “quần đảo” hoặc “nhóm đảo” (*qundao*, 群島) mà họ yêu sách chủ quyền.⁴¹ Thông tin này được tóm tắt trong Bảng 2, phạm vi địa lý của “các nhóm đảo” mà CHND Trung Hoa tuyên bố chủ quyền được biểu thị trong Bản đồ 2-6.

Bảng 2. “Các nhóm đảo” có tên tiếng Trung và các cấu trúc địa lý tương ứng.

Tên tiếng Trung	Các cấu trúc địa lý tương ứng
Quần đảo Đông Sa (东沙群岛)	Đảo Đông Sa, Đá Đông Sa, Bãi Bắc Vẹ, và Bãi Nam Vẹ.
Quần đảo Tây Sa (西沙群岛)	Quần đảo Hoàng Sa, bao gồm khoảng hai mươi các đảo nhỏ và các thực thể chìm khác ở vùng lân cận.
Quần đảo Trung Sa (中沙群岛)	Bãi cạn Scarborough, Bãi Macclesfield, và các thực thể chìm khác như Bãi cạn Saint Esprit và Bãi cạn Helen (phía bắc), Bãi cạn Truro (trung tâm), và Bãi Dreyer (phía nam).
Quần đảo Nam Sa (南沙群岛)	Quần đảo Trường Sa, trong đó bao gồm khoảng 40 hòn đảo nhỏ với tổng diện tích đất khoảng 2 km ² , cũng như khoảng 150 bãi cạn lúc chìm lúc nổi và các cấu trúc chìm hoàn toàn nằm bên trong và bao quanh các hòn đảo này, chẳng hạn như Bãi cạn James và Bãi Tư Chính. Quần đảo Nam Sa là “nhóm đảo” lớn nhất mà CHND Trung Hoa yêu sách, trải dài một

³⁸ Phân tích địa lý được hoàn thành bằng các công cụ trong Esri ArcGIS 10.7.1 và CARIS LOTS 4.1.1.

³⁹ Xem ở trên, chú thích 13, mô tả chính sách của Hoa Kỳ đối với các đảo tranh chấp.

⁴⁰ Tuyên bố của Chính phủ CHND Trung Hoa, chú thích 5 trước đó, đoạn III; xem thêm Công hàm của CHND Trung Hoa CML/14/2019 ngày 12 tháng 12 năm 2019 (Phụ lục 2.A của nghiên cứu này); Luật 1992, chú thích 16 trước đó, điều 2 (Phụ lục 3 của nghiên cứu này). Hoa Kỳ không có quan điểm nào đối với các yêu sách chủ quyền này trong phạm vi chúng liên quan đến các cấu trúc mà bất kỳ Quốc gia nào tuyên bố chủ quyền một cách hợp pháp. Xem ở trên, chú thích 13.

⁴¹ “Tên địa điểm chuẩn của các đảo ở Biển Đông”, Ủy ban Tên địa lý Trung Quốc (1983), đăng trực tuyến tại, unanhai.com, nansha.org.cn, và spratlys.org, cùng các nguồn khác. Trong thông báo năm 2020 về các tên bổ sung của các cấu trúc ở Biển Đông, Bộ Dân sự của CHND Trung Hoa đã xác nhận rằng ấn phẩm năm 1983 này “tiếp tục có giá trị” (继续有效). Để biết thêm thông tin, xem “Tóm tắt Hồ sơ về Nam Hải chư đảo,” Nhật báo Bắc Kinh, ngày 25 tháng 7 năm 2016, có sẵn trực tuyến; “Các đảo ở Biển Đông”, Viện Khoa học Địa lý và Nghiên cứu Tài nguyên Thiên nhiên, Viện Khoa học Trung Quốc, ngày 26 tháng 3 năm 2007, có sẵn trực tuyến; “Quần đảo Đông Sa”, Viện Nghiên cứu các Vùng biên giới Trung Quốc, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, ngày 14 tháng 9 năm 2014, có sẵn trực tuyến.

	vùng biển rộng khoảng 351,000 km ² .
--	---

VIỆN BIỂN ĐÔNG



Bản đồ 2. Bản đồ minh họa về tổng quan phạm vi địa lý của Quần đảo Đông Sa, Quần đảo Tây Sa, Quần đảo Trung Sa và Quần đảo Nam Sa, mà từ đó, CHND Trung Hoa dựa vào để yêu sách các vùng biển.

Mặc dù CHND Trung Hoa từ lâu đã yêu sách chủ quyền với Đông Sa, Tây Sa, Trung Sa và Nam Sa,⁴² các tuyên bố gần đây của nước này cho thấy rõ ràng các yêu sách chủ quyền của CHND Trung Hoa mở rộng đến các cấu trúc không phải là “đảo” theo định nghĩa tại Điều 121(1) của UNCLOS và không nằm trong vùng lãnh hải hợp pháp. Theo nước này, vì mục đích tuyên bố yêu sách chủ quyền và các vùng biển, mỗi nhóm đảo được nhìn nhận như “một tổng thể.”⁴³ Do đó, theo CHND Trung Hoa, “những quần đảo này bao gồm các đảo, đá, bãi cạn và vịnh cùng các cấu trúc khác, với số lượng và kích thước khác nhau.”⁴⁴ Theo mô tả của Hội Luật quốc tế Trung Quốc, “lập trường của Trung Quốc” là một quần đảo được coi là “một đơn vị” để phục vụ yêu sách chủ quyền và việc mở rộng các vùng biển.⁴⁵ Hơn nữa, Hội Luật quốc tế Trung Quốc tuyên bố rằng “chủ quyền đối với quần đảo như một thực thể đơn nhất cũng đương nhiên bao hàm chủ quyền đối với từng và mỗi bộ phận cấu thành,” cụ thể là “tất cả các cấu trúc thành phần và các vùng nước nối liền.”⁴⁶

Ví dụ, vì CHND Trung Hoa yêu sách chủ quyền đối với quần đảo Nam Sa, như một “thể thống nhất”, do đó nước này yêu sách chủ quyền đối với gần 200 thực thể mà đa số là thực thể chìm.⁴⁷ Yêu sách bao gồm các cấu trúc chìm hoàn toàn, như Bãi Cỏ Rong, Bãi Tư Chính và Bãi cạn James,⁴⁸ cũng như các cấu trúc như Đá Vành Khăn⁴⁹ và Bãi Cỏ Mây - các bãi lúc chìm lúc nổi trong trạng thái tự nhiên và nằm ngoài ranh giới hợp pháp của lãnh hải của bất kỳ quốc gia nào (Bản đồ 2).

Như đã phân tích trong phần Cơ sở, “chủ quyền” đối với các cấu trúc thuộc đáy biển xuất phát từ luật biển chứ không phải từ các quy tắc chủ quyền đối với lãnh thổ đất liền. Quy chế của các thực thể chìm ở Biển Đông, chẳng hạn như các cấu trúc được CHND Trung Hoa tuyên bố chủ quyền trong “các nhóm đảo” của nước này, phụ thuộc vào vùng biển tại vị trí của chúng (ví dụ lãnh hải, thềm lục địa). Do đó, mặc dù không có quan điểm nào đối với các yêu sách chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với các đảo cụ thể ở Biển Đông,⁵⁰ Hoa Kỳ đã bác bỏ các yêu sách chủ quyền dựa trên các cấu trúc không đáp ứng định nghĩa của một đảo hoặc không nằm trong ranh

⁴² *Tuyên bố về Lãnh hải của Trung Quốc*, được in lại trong *Giới hạn trên Biển số 43*: “Đường cơ sở thẳng: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa,” Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (1972), đoạn 4.

⁴³ Xem, ví dụ, Tài liệu Lập trường của Chính phủ CHND Trung Hoa về Vấn đề thẩm quyền trong Vụ kiện Biển Đông do Cộng hòa Philippines khởi xướng, ngày 7 tháng 12 năm 2014, có trên trang web của Bộ Ngoại giao CHND Trung Hoa (MFA) (đề cập đến “chủ quyền của Trung Quốc đối với Quần đảo Nam Sa nói chung”). Xem thêm Phát biểu của Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Hoa Xuân Oánh về Vấn đề liên quan đến Đảo Ba Bình, ngày 3 tháng 6 năm 2016, có trên trang web của MFA và Cuộc họp báo thường kỳ của Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Hoa Xuân Oánh, ngày 24 tháng 3 năm 2016, có trên trang web của MFA (cả hai đều đề cập đến “Quần đảo Nam Sa nói chung”).

⁴⁴ *Sách Trắng*, chú thích 6 trước đó, đoạn 2.

⁴⁵ Hội Luật quốc tế Trung Quốc, “Phán quyết Tòa Trọng tài Biển Đông: Một nghiên cứu quan trọng,” 17 *Tạp chí Luật quốc tế Trung Quốc* 207, 475 (2018).

⁴⁶ *Như trên*, trang 476.

⁴⁷ Đối với phạm vi địa lý của Quần đảo Nam Sa, xem ở trên, chú thích 41 và nội dung tương ứng.

⁴⁸ Mặc dù là một đối tượng địa lý chìm, nhiều nguồn tin của Trung Quốc gọi Bãi cạn James (Trung Quốc gọi là bãi Tăng Mẫu-người dịch chú thích thêm) là điểm cực nam của lãnh thổ Trung Quốc. Xem *Giới hạn trên Biển số 143*, chú thích 1, trang 16, chú thích 49 và nội dung tương ứng.

⁴⁹ Phái đoàn thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên hợp Quốc, Công hàm CML/1/2021, ngày 28 tháng 1 năm 2021 (trích dẫn sao chép trong Phụ lục 2.G của nghiên cứu này); *Vụ Trọng tài Biển Đông*, chú thích 4 trước đó, đoạn 3774–78 (kết luận rằng Đá Vành Khăn là bãi lúc nổi lúc chìm).

⁵⁰ Xem ở trên, chú thích 13, mô tả chính sách của Hoa Kỳ đối với các đảo tranh chấp.

giới hợp pháp của lãnh hải.⁵¹ Các quốc gia khác cũng đã bác bỏ các yêu sách của CHND Trung Hoa liên quan đến các cấu trúc chìm và các bãi lún chìm nổi.⁵²

Điều đáng chú ý là CHND Trung Hoa tuyên bố chủ quyền đối với các cấu trúc chìm trong “các nhóm đảo” mà nước này có yêu sách chủ quyền ngay cả khi không thiết lập đường cơ sở.⁵³ Các tuyên bố của CHND Trung Hoa không hề có cơ sở kể cả trong UNCLOS hay trong thực tiễn của các quốc gia. Ngay cả đối với một quốc gia quần đảo, chủ quyền đối với các vùng nước và các cấu trúc chìm trong một quần đảo không phải đương nhiên mà có; chủ quyền chỉ tồn tại khi các thực thể “được bao bọc bởi đường cơ sở quần đảo được vẽ theo Điều 47”⁵⁴ hoặc khi các đảo nằm gần nhau đến mức vùng nước giữa chúng nằm hoàn toàn trong ranh giới lãnh hải. Do không phải là quốc gia quần đảo, CHND Trung Hoa chỉ có thể tuyên bố chủ quyền đối với các vùng nước và các cấu trúc chìm trong “các nhóm đảo” mà nước này yêu sách thông qua thiết lập các đường cơ sở và các vùng biển hợp pháp tính từ đường cơ sở. Như phân tích dưới đây, CHND Trung Hoa chưa làm điều này.

Đường cơ sở

Luật 1992 của CHND Trung Hoa quy định rằng nước này sử dụng “phương pháp đường cơ sở thẳng” và không đề cập đến đường cơ sở thông thường hoặc các phương pháp đường cơ sở khác được quy định trong UNCLOS.⁵⁵ Như đã thảo luận trong phần Cơ sở Phân tích, các đường cơ sở thẳng chỉ có thể được sử dụng trong các hoàn cảnh địa lý cụ thể. Sau khi Phán quyết của Tòa trọng tài vào năm 2016 được ban hành, CHND Trung Hoa đã tuyên bố rõ ràng rằng “phương pháp đường cơ sở thẳng. . . sẽ áp dụng cho tất cả các lãnh thổ của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, bao gồm ‘Quần đảo Đông Sa, Quần đảo Tây Sa, Quần đảo Trung Sa, Quần đảo Nam Sa và tất cả các đảo khác thuộc về Trung Quốc.’”⁵⁶

Theo đó, phần này phân tích sự phù hợp của các đường cơ sở thẳng đối với Quần đảo Đông Sa, Quần đảo Tây Sa, Quần đảo Trung Sa và Quần đảo Nam Sa. Cho đến nay, Quần đảo Tây Sa (quần đảo Hoàng Sa) là “nhóm đảo” duy nhất ở Biển Đông mà CHND Trung Hoa đã chính thức tuyên bố các đường cơ sở thẳng.⁵⁷ Các đường cơ sở này được hiển thị trên Bản đồ 2 và 3A. Bản đồ 2, 4A, 5A và 6A mô tả các đường bao quanh Quần đảo Đông Sa, Quần đảo Trung Sa và Quần đảo Nam Sa. Tuy nhiên, những mô tả này không chính thức và không phải là đường cơ sở được CHND Trung Hoa chính thức xác nhận. Thay vào đó, các bản đồ minh họa “phạm vi địa lý rõ ràng của những yêu sách nội thủy bất hợp pháp của CHND Trung Hoa”, như được mô tả trong

⁵¹ Công thư của Đại diện Thường trực Hợp chủng quốc Hoa Kỳ gửi Liên hợp Quốc, UN Doc. No. A/74/874–S/2020/483, ngày 1 tháng 6 năm 2020 (“Trung Quốc không thể khẳng định chủ quyền đối với, hoặc yêu sách các vùng biển bắt nguồn từ, các cấu trúc hoàn toàn chìm..... Các cấu trúc như vậy không tạo thành một phần lãnh thổ đất liền của một quốc gia theo nghĩa pháp lý, nghĩa là chúng không phải là đối tượng thụ đắc và không thể tạo ra lãnh hải hoặc các vùng biển khác theo luật pháp quốc tế.”).

⁵² Xem, ví dụ, Phái đoàn Úc tại Liên hợp Quốc, công hàm số 20/026, ngày 23 tháng 7 năm 2020 (bác bỏ “yêu sách của Trung Quốc đối với các vùng biển được tạo ra bởi các cấu trúc chìm, hoặc bãi lún chìm nổi theo cách không phù hợp với UNCLOS.....”); Phái đoàn thường trực của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên hợp Quốc, Công hàm số 22/HC2020, ngày 30 tháng 3 năm 2020 (phản đối yêu sách của Trung Quốc và nêu rõ “các bãi ngầm hoặc cấu trúc lún chìm nổi không phải là đối tượng thụ đắc lãnh thổ và không có vùng biển riêng.”); xem thêm Phái đoàn thường trực của New Zealand tại Liên hợp Quốc, Công hàm số 08/21/02 (3/8/2021).

⁵³ Lập luận này được đưa ra bởi Hội Luật quốc tế Trung Quốc, chú thích 45 *trước đó*, trang 477 (nêu rõ rằng tòa trọng tài không công nhận “thực tế rằng các vùng nước nổi liền trong quần đảo [Trường Sa] thuộc chủ quyền của Trung Quốc”).

⁵⁴ Công ước, chú thích 2 *trước đó*, điều 49 (nhấn mạnh thêm).

⁵⁵ *Luật 1992*, chú thích 16 *trước đó*, điều 3 (Phụ lục 3 của nghiên cứu này).

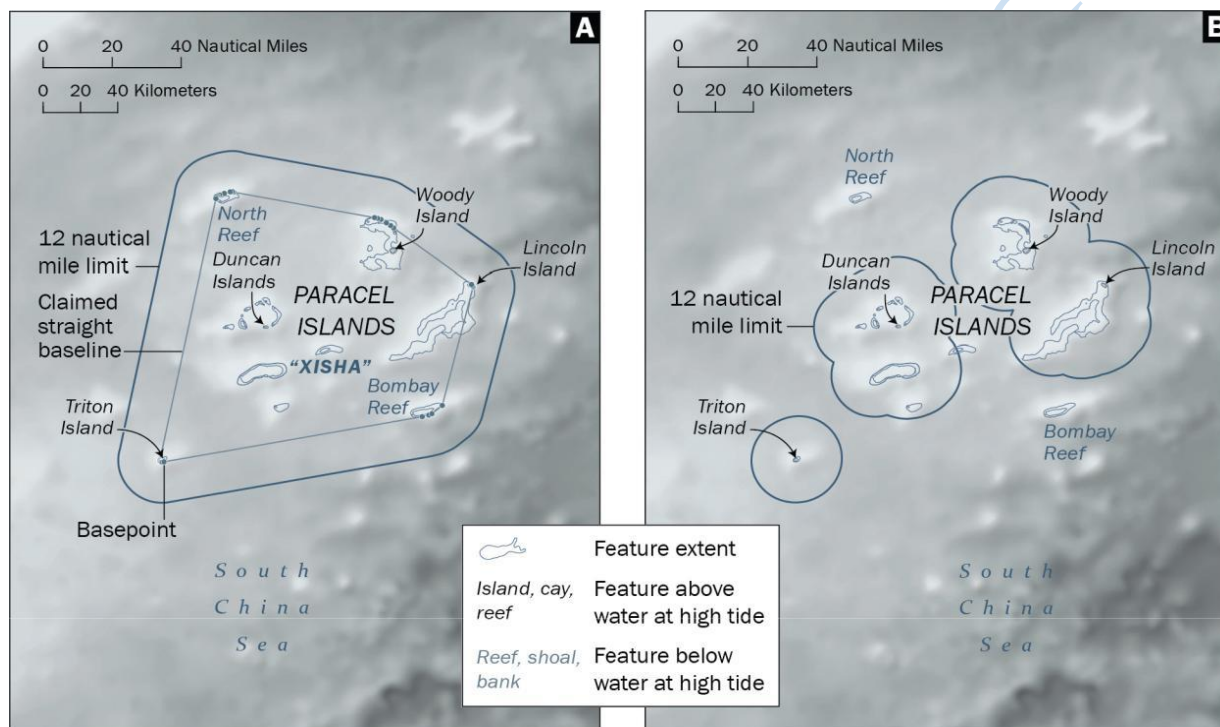
⁵⁶ *Sách Trắng*, chú thích 6 *trước đó*, đoạn 34.

⁵⁷ *Tuyên bố năm 1996*, chú thích 14 *trước đó* (Phụ lục 5 của nghiên cứu này).

chú giải bản đồ. Cũng giống như cách tiếp cận của CHND Trung Hoa với Quần đảo Tây Sa, các đường bao quanh Quần đảo Đông Sa, Quần đảo Trung Sa và Quần đảo Nam Sa được mô tả dựa trên (1) phạm vi địa lý của các “nhóm đảo” này (theo định nghĩa của CHND Trung Hoa⁵⁸), (2) các khẳng định của CHND Trung Hoa rằng nước này “sẽ” sử dụng các đường cơ sở thẳng, và (3) các khẳng định của CHND Trung Hoa rằng các nhóm đảo nước này tuyên bố chủ quyền đều được coi là “một tổng thể”.⁵⁹

Quần đảo Tây Sa

Quần đảo Tây Sa tương ứng với quần đảo Hoàng Sa (Bản đồ 2 và 3), được trải rộng trên khoảng 80x80 hải lý trên biển. Đảo lớn nhất của quần đảo Hoàng Sa, Đảo Phú Lâm, có diện tích đất ở trạng thái tự nhiên khoảng 1,6 km². Các cấu trúc còn lại trong khu vực này là các đảo nhỏ hơn và các đá chìm và bãi chìm.



Bản đồ 3. Quần đảo Tây Sa (Quần đảo Hoàng Sa), (A) hiển thị các đường cơ sở thẳng và các ranh giới của lãnh hải được tuyên bố bởi CHND Trung Hoa và (B) hiển thị các ranh giới lãnh hải gần đúng 12 hải lý tính từ các đường cơ sở hợp pháp. Để biết vị trí, hãy xem Bản đồ 2.

Năm 1996, CHND Trung Hoa ban hành hệ thống đường cơ sở cho Quần đảo Tây Sa bao gồm 28 điểm cơ sở và phân đoạn.⁶⁰ Các điểm cơ sở nằm tại năm cụm dọc theo các rìa đá ngoài cùng và được nối với nhau bằng các đường thẳng tạo thành hệ thống đường cơ sở hình cánh điều bao quanh quần đảo Hoàng Sa và các cấu trúc chìm khác trong vùng lân cận (Bản đồ 3A). Dọc theo các rìa đá bên ngoài là các đoạn đường cơ sở ngắn (0,2 đến 3,9 hải lý). Các đoạn dài hơn kết nối các bãi đá ngoài cùng với nhau, bao gồm các đoạn 78,8 hải lý (đoạn 14-15) và 75,8 hải lý (đoạn

⁵⁸ Xem ở trên, chú thích 41 và nội dung tương ứng (về phạm vi địa lý của các nhóm đảo mà CHND Trung Hoa tuyên bố chủ quyền).

⁵⁹ Mặc dù CHND Trung Hoa coi mỗi quần đảo trong Quần đảo Đông Sa, Quần đảo Trung Sa và Quần đảo Nam Sa là “một tổng thể”, CHND Trung Hoa có thể cuối cùng sẽ quyết định không tuyên bố các đường cơ sở bao quanh toàn bộ các khu vực được mô tả là vùng nội thủy trong Bản đồ 2, 4A, 5A và 6A.

⁶⁰ Tuyên bố năm 1996, chú thích 14 trước đó (Phụ lục 5 của nghiên cứu này).

7-8). Các đường cơ sở này (và các ranh giới lãnh hải được CHND Trung Hoa tuyên bố) được mô tả trong Bản đồ 3A; Phụ lục 6 của nghiên cứu này liệt kê độ dài của từng đoạn.

Các đường bờ biển của quần đảo Hoàng Sa nhìn chung phẳng với các bãi đá bao quanh và do đó không đáp ứng các yêu cầu địa lý trong Điều 7 của UNCLOS về việc sử dụng các đường cơ sở thẳng. Như đã nêu trong Ranh giới trên biển số 117, “mặc dù một hòn đảo có thể đáp ứng yêu cầu của Điều 7 và được vẽ các đường cơ sở thẳng, nhưng các tiêu chuẩn này không được đáp ứng trong trường hợp này. Đường cơ sở thích hợp sẽ là ngăn nước thủy triều thấp nhất của các đảo và đá.”⁶¹ Nhiều quốc gia, bao gồm Úc, Nhật Bản, New Zealand, Philippines, Việt Nam, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đã phản đối đường cơ sở của CHND Trung Hoa xung quanh quần đảo Hoàng Sa là không phù hợp với luật pháp quốc tế như được phản ánh trong UNCLOS.⁶² Bản đồ 3B thể hiện các ranh giới lãnh hải gần đúng 12 hải lý của quần đảo Hoàng Sa, là kết quả của các đường cơ sở hợp pháp, như quy định trong UNCLOS.

Quần đảo Đông Sa

Quần đảo Đông Sa là “quần đảo cực bắc và nhỏ nhất trong các quần đảo ở Biển Đông” và bao gồm Đảo Đông Sa, Đá Pratas, bãi Bãi Bắc Vẹ và Bãi Nam Vẹ (Bản đồ 2 và 4).⁶³ Đảo Đông Sa có diện tích đất đai khoảng 2 km² và nằm ở rìa phía tây của một vành đai san hô (Đá Đông Sa) có đường kính khoảng 24 km. Trong các tuyên bố của mình, CHND Trung Hoa dịch *Dongsha Qundao* là Quần đảo Đông Sa (số nhiều) mặc dù Đảo Đông Sa là đảo duy nhất trong vùng lân cận. Các cấu trúc chìm Bãi Bắc Vẹ và Bãi Nam Vẹ nằm cách Đảo Đông Sa khoảng 45 hải lý về phía tây bắc.

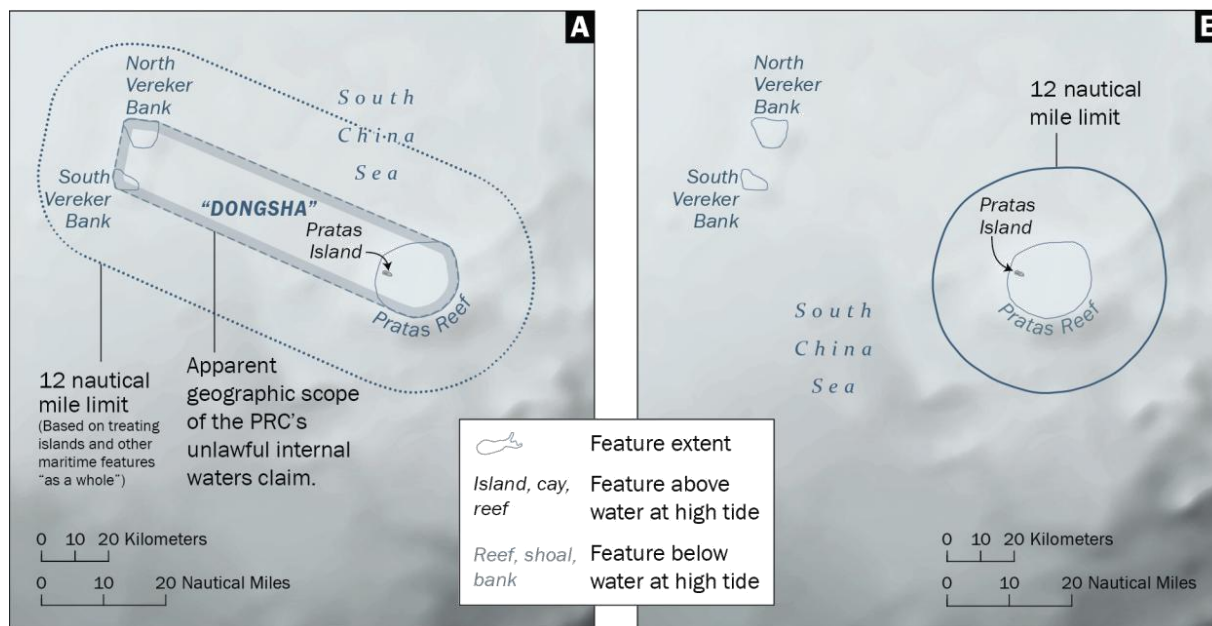
Việc áp dụng các đường cơ sở thẳng không phù hợp với Quần đảo Đông Sa. Đường cơ sở của Đảo Đông Sa và Đá Đông Sa phải được xác định theo Điều 5 (đường cơ sở thông thường) và Điều 6 (bãi đá). Các vùng nước bên trong đầm phá của Đảo Đông Sa có thể được coi là vùng nội thủy và một đường khép kín có thể được vẽ ngang qua lối vào của vành đai san hô để phân biệt giữa vùng nội thủy và lãnh hải.⁶⁴ Do Bãi Bắc Vẹ và Bãi Nam Vẹ là các cấu trúc chìm, hai cấu trúc này không thể tạo thành một phần của “ria các đảo” nhằm áp dụng Điều 7 của UNCLOS, và các cấu trúc này không tạo ra bất kỳ vùng biển nào của riêng chúng. Bản đồ 4B thể hiện các ranh giới lãnh hải gần đúng 12 hải lý trong khu vực này, đây là kết quả của các đường cơ sở hợp pháp, theo quy định của UNCLOS.

⁶¹ *Giới hạn trên Biển số 117*, “Yêu sách Đường cơ sở thẳng: Trung Quốc,” Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (1996), trang 8.

⁶² Xem các công hàm của Úc, New Zealand và Việt Nam, chú thích 52 trước đó; Phái đoàn thường trực của Nhật Bản tại Liên hợp Quốc, công hàm SC/ 21/002, ngày 19 tháng 1 năm 2021; *Luật Biển: Báo cáo của Tổng thư ký*, Tài liệu LHQ, A/51/645 (1996), trang 14–15 (mô tả các phản đối của Việt Nam và Philippines); *Bản tin Luật Biển số 32*, trang 91 (1996) (phản đối của Việt Nam); Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Bắc Kinh, công hàm số 335, ngày 21 tháng 8 năm 1996 (phản đối của Hoa Kỳ), được trích trong J.A. Roach và R. Smith, “Đường cơ sở thẳng: Sự cần thiết của một quy chuẩn được áp dụng phổ biến,” 31 *Tạp chí Luật Quốc tế và Phát triển Biển* 47, 62–63.

⁶³ Viện Khoa học Trung Quốc và Ủy ban Tên địa lý Trung Quốc, chú thích 41 trước đó.

⁶⁴ DOALOS, *Đường cơ sở: Kiểm tra các Điều khoản liên quan của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển*, trang 10–12 (1989) (lưu ý rằng “có thể... suy ra [từ Điều 6] rằng vùng nước bao quanh [trong một đầm phá] có thể được coi là nội thủy” và “nếu vùng nước đầm phá của các vành đai san hô được coi là nội thủy, theo đó việc xây dựng các đường khép kín ngang qua các kênh lối vào sẽ là cần thiết.”).



Bản đồ 4. Quần đảo Đông Sa, (A) thể hiện phạm vi rõ ràng của yêu sách nội thủy trái pháp luật của CHND Trung Hoa và (B) hiển thị ranh giới lãnh hải gần đúng 12 hải lý tính từ các đường cơ sở hợp pháp. Để biết vị trí, xem Bản đồ 2.

Quần đảo Trung Sa

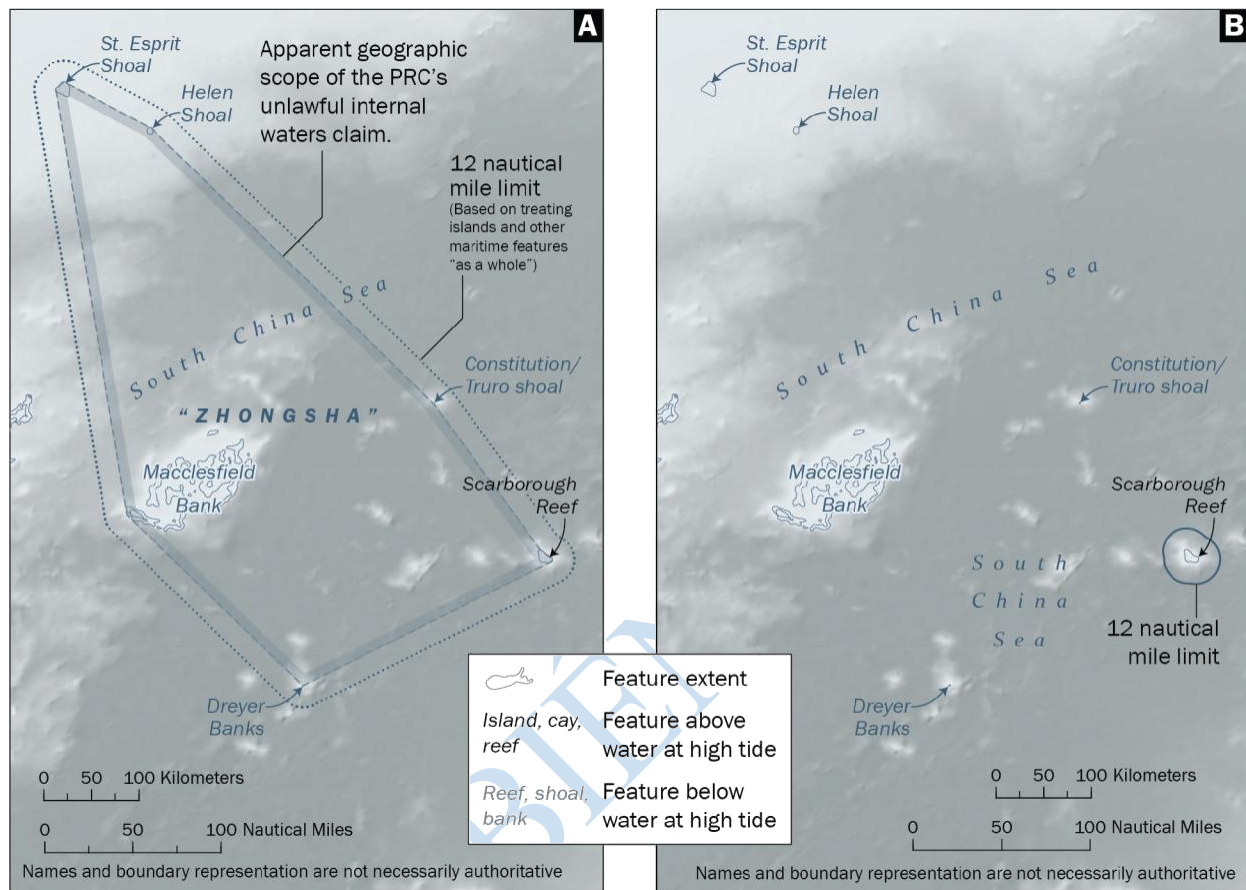
Quần đảo Trung Sa bao gồm Bãi cạn Scarborough, Bãi Macclesfield, và các cấu trúc chìm khác ở phía bắc và trung tâm của Biển Đông, bao gồm Bãi cạn Saint Esprit và Bãi cạn Helen (phía bắc), Bãi cạn Truro (trung tâm), và Bãi Dreyer (phía nam) (Bản đồ 2 và 5).⁶⁵ Bãi Macclesfield là một bãi lớn, nông, chìm hoàn toàn, với độ sâu thường dưới 100 mét; phần nông nhất của nó là Bãi cạn Walker, thấp hơn mực nước biển khoảng 8 mét. Về phía đông, Bãi cạn Scarborough chủ yếu chìm, với một số cấu trúc rất nhỏ chỉ nhô ra vài feet so với mặt biển khi thủy triều lên. Bãi này có chiều dài khoảng 18 km ở vị trí rộng nhất và có tổng diện tích khoảng 130 km² (bao gồm cả vùng nước trong đầm phá).

Quần đảo Trung Sa không thể được coi là một đơn vị từ góc độ địa lý hay pháp lý, không thể được dùng để vẽ đường cơ sở thẳng. Hai cấu trúc chính (Bãi Macclesfield và Bãi cạn Scarborough) cách biệt nhau về địa lý khoảng 180 hải lý. Vùng nước giữa hai cấu trúc này đạt độ sâu hơn 4000 mét. Bãi cạn Saint Esprit nằm trên thềm lục địa Trung Quốc, cách bờ biển đại lục khoảng 135 hải lý, cách Bãi Macclesfield hơn 200 hải lý và cách các đảo duy nhất ở Quần đảo Trung Sa (Bãi cạn Scarborough) hơn 350 hải lý. Mặc dù CHND Trung Hoa dịch *Zhongsha Qundao* là Quần đảo Trung Sa (số nhiều), “nhóm đảo” này chính xác hơn là một vùng đại dương rộng lớn với một vài hòn đảo nhỏ ở rìa cực đông của nó, trên Bãi cạn Scarborough.

Theo đó, Bãi cạn Scarborough là cấu trúc duy nhất trong Quần đảo Trung Sa có khả năng xác lập vùng biển. Đường cơ sở của Scarborough phải được xác định theo Điều 5 (đường cơ sở thông thường) và Điều 6 (bãi đá). Phần rìa của Scarborough nhìn chung phẳng và tạo thành hình tam giác. Do các đảo nhỏ tiếp giáp với Scarborough không có đường bờ biển “khoét sâu và lồi lõm” và không có “chuỗi đảo nằm sát và dọc bờ biển,” chúng không đáp ứng các yêu cầu địa lý trong

⁶⁵ Xem các nguồn, chú thích 41 trước đó.

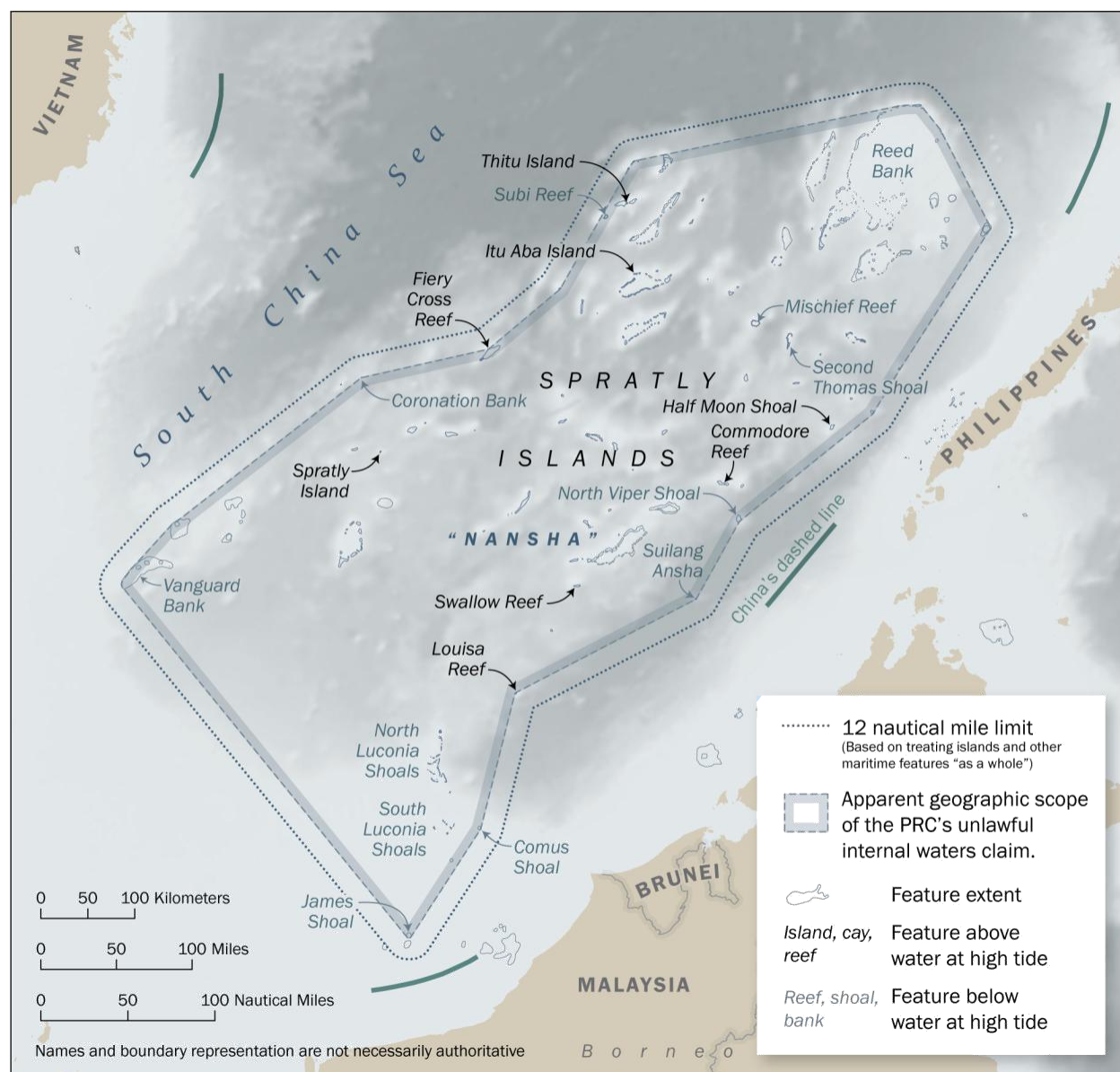
Điều 7 để vẽ đường cơ sở thẳng. Cũng như với Đá Đông Sa, vùng nước bên trong đầm phá của Bãi cạn Scarborough có thể được coi là vùng nội thủy và một đường khép kín có thể được vẽ ngang qua cửa vào của vịnh đại san hô (ở phía đông nam) để phân biệt nội thủy và lãnh hải. Bản đồ 5B cho thấy các ranh giới lãnh hải 12 hải lý (áng chừng) của Quần đảo Trung Sa phát sinh từ đường cơ sở hợp pháp theo quy định của Công ước.



Bản đồ 5. Quần đảo Trung Sa, (A) thể hiện phạm vi rõ ràng của yêu sách nội thủy bất hợp pháp của CHND Trung Hoa và (B) thể hiện ranh giới lãnh hải gần đúng 12 hải lý tính từ các đường cơ sở hợp pháp. Để biết vị trí, xem Bản đồ 2.

Quần đảo Nam Sa

Quần đảo Nam Sa tương tự nhưng rộng hơn về địa lý so với quần đảo Trường Sa (Bản đồ 6A). Nam Sa bao gồm hàng chục hòn đảo nhỏ với tổng diện tích đất liền ở trạng thái tự nhiên khoảng 2 km², nhiều bãi, đá và vịnh đại san hô ngầm dưới nước. Nếu coi cả các cấu trúc chìm phía ngoài là một phần của Quần đảo Nam Sa (ví dụ như Bãi cạn James và Bãi Tư Chính), “nhóm đảo” này có diện tích khoảng 351.000 km² trên không gian biển.



Bản đồ 6A. Quần đảo Nam Sa, cho thấy phạm vi rõ ràng của yêu sách nội thủy bất hợp pháp của CHND Trung Hoa. Để biết vị trí, xem Bản đồ 2.

Các đường bờ biển và các rìa đá của quần đảo Trường Sa nhìn chung khá phẳng. Ngoài các đảo vượt quá hệ thống đá này, hầu hết các đảo đều nằm tách rời với các khoảng cách đáng kể, đến mức không thể nói là chúng tách rời nhau. Ví dụ, dọc theo phía đông của quần đảo Trường Sa, Đá Công Đo nằm cách các đảo gần nhất 70 hải lý về phía đông bắc (Bãi Trăng Khuyết) và 100 hải lý về phía tây nam (Đá Hoa Lau). Đá Hoa Lau nằm cách Đá Louisa 70 hải lý, là cực nam của quần đảo Trường Sa (Bản đồ 6A). Do các đường bờ biển của quần đảo Trường Sa không bị “khoét sâu và lồi lõm” cũng như không có “chuỗi đảo nằm sát và dọc bờ biển”, chúng không đáp ứng các yêu cầu địa lý tại Điều 7 về việc sử dụng các đường cơ sở thẳng.

Đối với đặc điểm địa lý như vậy, các quy định về đường cơ sở thích hợp nằm tại Điều 5 (đường cơ sở thường), 6 (bãi đá) và 13 (bãi lúc nổi lúc chìm) của UNCLOS. Đường cơ sở thông thường nằm trên ngân nước thủy triều thấp nhất của các đường bờ biển ngoài cùng và rìa đá của các đảo

trong quần đảo Trường Sa (Điều 5 và 6). Trong trường hợp các đảo nằm trên các vành đai san hô, vùng nước bên trong đầm phá có thể được coi là vùng nội thủy và các đường khép kín có thể được vẽ qua các lối vào của vành đai san hô để phân biệt giữa vùng nội thủy và lãnh hải (Điều 6). Cuối cùng, một số đảo có bãi lúc chìm lúc nổi nằm trong phạm vi 12 hải lý. Trong những trường hợp như vậy, ngắn nước thủy triều thấp nhất của các bãi lúc chìm lúc nổi có thể được sử dụng làm đường cơ sở để đo chiều rộng của lãnh hải do các đảo tạo ra (Điều 13). Bản đồ 6B cho thấy các ranh giới lãnh hải gần đúng 12 hải lý của Quần đảo Nam Sa, đây là kết quả của các đường cơ sở hợp pháp, như quy định tại Công ước.

Mặc dù CHND Trung Hoa chưa chính thức ban hành các đường cơ sở thẳng quanh các khu vực mà nước này mô tả là Quần đảo Nam Sa, nhưng các tuyên bố khẳng định quyền về các đường cơ sở như vậy đã dẫn đến sự phản đối của nhiều quốc gia, bao gồm Úc, Pháp, Đức, Nhật Bản, New Zealand, Philippines, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Việt Nam.⁶⁶ Xét thấy rất ít quốc gia công khai phản đối các yêu sách trên biển quá mức,⁶⁷ những phản đối này của một số lượng tương đối lớn các quốc gia là sự bác bỏ đặc biệt mạnh mẽ quan điểm pháp lý của CHND Trung Hoa. Tòa trọng tài trong Vụ kiện Biển Đông cũng xem xét tính hợp pháp của các đường cơ sở như vậy đối với quần đảo Trường Sa và bác bỏ chúng, cụ thể như sau:

Việc sử dụng đường cơ sở quần đảo (đường cơ sở bao quanh toàn bộ quần đảo) được Công ước quy định chặt chẽ, trong đó Điều 47(1) giới hạn việc sử dụng chúng chỉ dành cho “các quốc gia quần đảo”. . . . Tuy nhiên, Trung Quốc được cấu thành chủ yếu bởi lãnh thổ trên lục địa Châu Á và không thể đáp ứng định nghĩa về một quốc gia quần đảo.

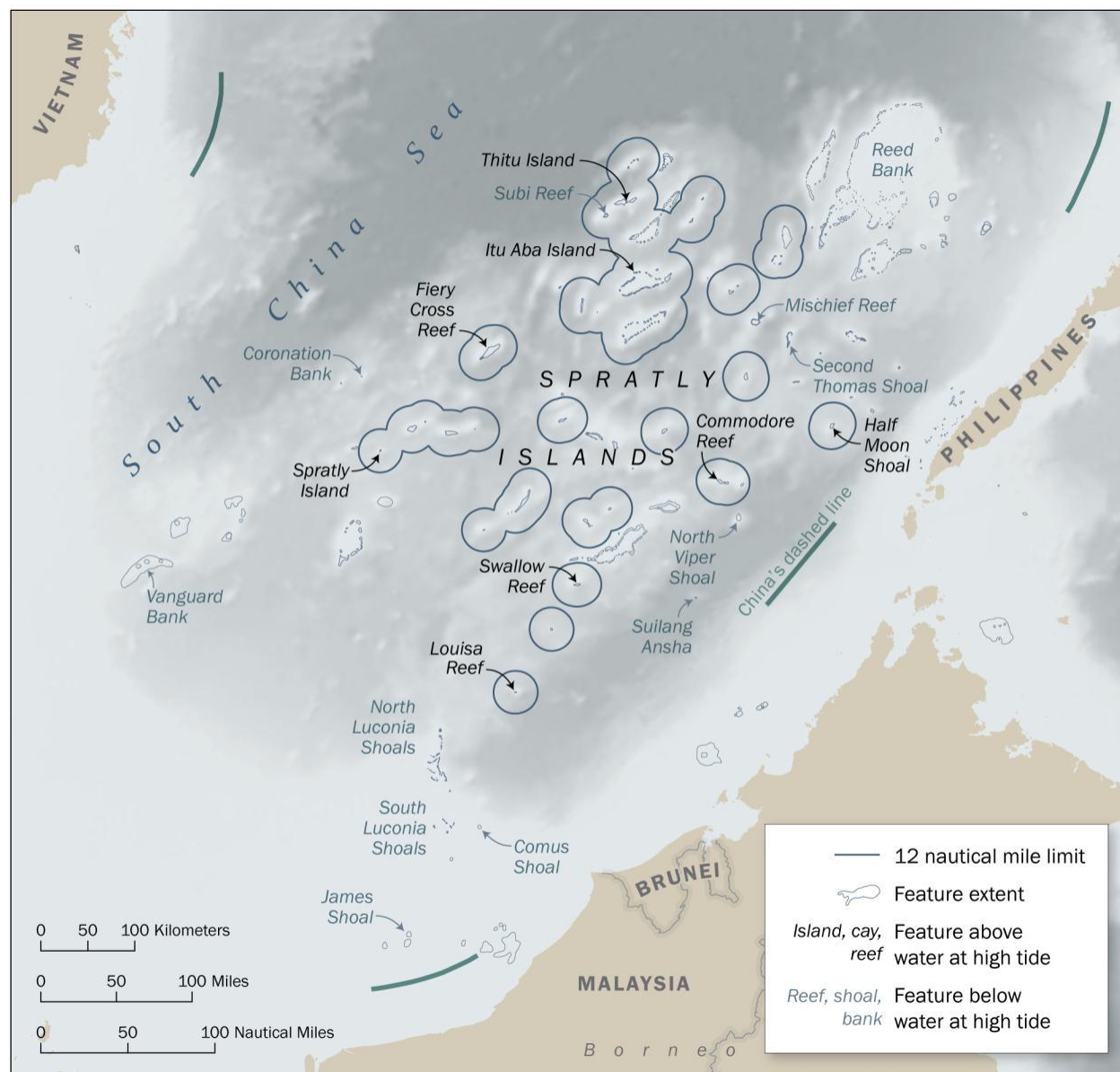
Trong Điều 7, Công ước cũng quy định các quốc gia sử dụng các đường cơ sở thẳng trong một số trường hợp nhất định và Tòa trọng tài nhận thức được thực tiễn của một số quốc gia trong việc sử dụng các đường cơ sở thẳng đối với các quần đảo ngoài khơi để ước tính tác động của các đường cơ sở trên quần đảo. Theo quan điểm của Tòa trọng tài, bất kỳ việc áp dụng đường cơ sở thẳng nào đối với quần đảo Trường Sa theo cách này sẽ trái với Công ước.⁶⁸

Xem xét ngôn ngữ rõ ràng và toàn diện của Công ước liên quan đến các đường cơ sở, sự phản đối từ trước của các quốc gia và các kết luận của tòa trọng tài, rõ ràng là mọi đường cơ sở thẳng do CHND Trung Hoa ban hành xung quanh quần đảo Trường Sa sẽ là bất hợp pháp và bị các quốc gia khác bác bỏ.

⁶⁶ Xem *Bổ sung Thực tiễn Quốc gia*, các phần liên quan đến Úc (chú thích 48 và nội dung tương ứng), Pháp (chú thích 76 và nội dung tương ứng), Nhật Bản (chú thích 89 và nội dung tương ứng), New Zealand (chú thích 96 và nội dung tương ứng), Philippines (chú thích 105 và nội dung tương ứng), Vương quốc Anh (chú thích 125 và nội dung tương ứng), Hoa Kỳ (chú thích 127 và nội dung tương ứng), và Việt Nam (chú thích 128 và nội dung tương ứng); Phái đoàn thường trực của Cộng hòa Liên bang Đức tại Liên hợp Quốc, Công hàm số 324/2020, ngày 16 tháng 9 năm 2020 (nêu rõ rằng “không có cơ sở pháp lý nào để các quốc gia lục địa coi các quần đảo hoặc các cấu trúc trên biển như một tổng thể và không tôn trọng các điều khoản liên quan trong Phần II của UNCLOS hoặc bằng cách sử dụng những điều khoản trong Phần IV chỉ áp dụng cho các quốc gia quần đảo”). Những phản đối này, cùng với thực tiễn của các Quốc gia được mô tả trong Phần bổ sung của nghiên cứu này, cũng dẫn đến khả năng rằng thực tiễn tiếp theo của các thành viên của UNCLOS có thể được coi là đã thiết lập một thỏa thuận, theo Điều 31(3)(b) của Công ước Viên về Luật Điều ước, ủng hộ việc giải thích UNCLOS theo cách cho phép một quốc gia không phải quốc gia quần đảo sử dụng các đường cơ sở thẳng để bao bọc các nhóm đảo ngoài khơi, ngay cả trong những trường hợp không đáp ứng các tiêu chí trong Điều 7. Công ước Viên, chú thích 10 *trước đó*.

⁶⁷ Thảo luận, xem, ví dụ, R.R. Churchill, “Tác động của Thực tiễn Quốc gia đối với Khung tài phán có trong Công ước Luật biển,” trong A.G.O. Elferink (ed.), *Sự ổn định và Thay đổi trong Luật Biển: Vai trò của Công ước Luật Biển* (2005), trang 101, chú thích 26 và nội dung tương ứng.

⁶⁸ *Vụ Trọng tài Biển Đông*, chú thích 4 *trước đó*, đoạn 573–75 (nhấn mạnh thêm).



Bản đồ 6B. Quần đảo Nam Sa, hiển thị ranh giới lãnh hải gần đúng 12 hải lý tính từ các đường cơ sở hợp pháp. Để biết vị trí, xem Bản đồ 2.

Luật tập quán quốc tế

Lời mở đầu của Công ước nói rằng “những vấn đề không được Công ước điều chỉnh vẫn tiếp tục được điều chỉnh bởi các quy định và nguyên tắc của luật quốc tế nói chung”.⁶⁹ CHND Trung Hoa đã viện dẫn điều khoản này để lập luận rằng có một cơ sở pháp lý thay thế, tách biệt với

⁶⁹ Đoạn 8 của phần mở đầu Công ước được mô phỏng theo đoạn cuối cùng trong phần mở đầu của Công ước Viên về Luật Điều ước, đề cập đến luật tập quán quốc tế (“Khẳng định rằng các quy tắc của luật tập quán quốc tế sẽ tiếp tục điều chỉnh các vấn đề không được điều chỉnh bởi các điều khoản của Công ước hiện tại.”). Ngôn ngữ cuối cùng được thông qua trong phần mở đầu của Công ước Luật Biển đã được mở rộng từ điều khoản song song của Công ước Viên để bao gồm tham chiếu đến “các nguyên tắc” của luật quốc tế nói chung, “vì điều này được củng cố bởi Điều 38 của Quy chế của Tòa án Quốc tế.” UNCLOS XIII *Hồ sơ Chính thức* 80, A/CONF.62/L.49/ADD.2 (1980).

Công ước, cho quan điểm của nước này liên quan đến các đường cơ sở thẳng và các nhóm đảo xa xôi. Cụ thể, CHND Trung Hoa đã tuyên bố như sau:

... Quy chế các quần đảo ngoài khơi của các quốc gia lục địa không được UNCLOS [tức là Công ước] quy định, và các quy tắc của luật quốc tế nói chung sẽ tiếp tục được áp dụng trong lĩnh vực này. Có đủ thực tiễn quốc tế làm cơ sở cho quy chế này.⁷⁰

... Trung Quốc coi trọng các điều khoản và điều kiện áp dụng được quy định trong UNCLOS đối với việc vẽ đường cơ sở lãnh hải. Đồng thời, Trung Quốc tin rằng thực tiễn lâu đời trong luật pháp quốc tế liên quan đến các quần đảo ngoài khơi của các quốc gia lục địa phải được tôn trọng...⁷¹

Lập luận này bỏ qua phạm vi toàn diện của các điều khoản về đường cơ sở của Công ước. Như đã thảo luận trong phần Cơ sở phân tích, các đường cơ sở trên thực tế được “điều chỉnh bởi Công ước”, Công ước cung cấp các quy định đã bao hàm tất cả các tình huống địa lý, với Điều 5 quy định rằng đường cơ sở thông thường là gần nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển “trừ trường hợp khác được quy định *trong Công ước này*” (nhấn mạnh thêm).

Dù ngôn ngữ trong Công ước đã rất rõ ràng, ngay cả khi cho rằng việc vẽ đường cơ sở cho các quần đảo ngoài khơi của các quốc gia lục địa không được điều chỉnh bởi Công ước và thay vào đó được điều chỉnh bởi luật quốc tế (cụ thể là luật tập quán quốc tế⁷²), sự tồn tại của các quy định như vậy cần phải được chứng minh. Để chứng minh sự tồn tại của một nguyên tắc của luật tập quán quốc tế, cần phải có bằng chứng về thực tiễn chung và nhất quán của các quốc gia; thực hành phải là “thực hành ổn định”, như ICJ mô tả.⁷³ Hơn nữa, thực tiễn liên quan phải “cho thấy sự công nhận chung rằng một quy định của pháp luật hoặc nghĩa vụ pháp lý có liên quan.”⁷⁴

CHND Trung Hoa đã không chứng minh rằng có tồn tại bất kỳ quy định nào như vậy. Mặc dù CHND Trung Hoa lập luận rằng “có đủ thực tiễn quốc tế làm cơ sở cho quy chế này,”⁷⁵ một số lượng lớn bằng chứng không ủng hộ quan điểm này. Phần *Bổ sung Thực tiễn Quốc gia* của nghiên cứu này tóm tắt “thực tiễn quốc tế” và thái độ của các Quốc gia đối với các đường cơ sở và các quần đảo ngoài khơi (xa bờ). Các phát hiện cho thấy rằng hầu hết các Quốc gia viện dẫn rõ ràng các quy định của Công ước (tức là, không phải các quy tắc riêng biệt của luật tập quán quốc tế) đối với các quần đảo xa bờ.

Nhiều quốc gia sử dụng đường cơ sở thông thường (Điều 5) và hoàn toàn không sử dụng đường cơ sở thẳng đối với các nhóm đảo xa xôi. Khi các Quốc gia vẽ đường cơ sở thẳng dựa trên Điều 7 của Công ước, các quốc gia đó hiếm khi sử dụng đường cơ sở thẳng để bao bọc toàn bộ một nhóm đảo “như một tổng thể” trải rộng trên một vùng biển rộng lớn. Trong một số ít trường hợp

⁷⁰ Phái đoàn thường trực của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Liên hợp Quốc, Công hàm CML/32/2020, ngày 16 tháng 8 năm 2021 (trích dẫn được sao chép trong Phụ lục 2.H của nghiên cứu này).

⁷¹ Phái đoàn thường trực của CHND Trung Hoa tại Liên hợp Quốc, công hàm CML/63/2020, ngày 18 tháng 9 năm 2020.

⁷² *Hồ sơ chính thức*, chú thích 69 trước đó; xem thêm Ủy ban Luật quốc tế (ILC), *Dự thảo Kết luận về việc Xác định Luật tập quán quốc tế cùng các bình luận*, Tài liệu của UNGA Số A/73/10 (2018), trang 123 (lưu ý rằng thuật ngữ “luật quốc tế nói chung” có thể được sử dụng để chỉ luật tập quán quốc tế).

⁷³ *Vụ Biển Bắc*, chú thích 19 trước đó, đoạn 74, 77, trang 44–45. Thảo luận về các yêu cầu phải đáp ứng để chứng minh sự hình thành một nguyên tắc của luật tập quán quốc tế, xem phần *Bổ sung Thực tiễn Quốc gia* của nghiên cứu này, trang 2.

⁷⁴ *Vụ Biển Bắc*, chú thích 19 trước đó, đoạn 74, trang 44 (đề cập đến yêu cầu về yếu tố *opinio juris*).

⁷⁵ Công hàm của CHND Trung Hoa, chú thích 70 trước đó.

có Quốc gia sử dụng đường cơ sở như vậy, các quốc gia khác đã phản đối việc đó thông qua các phản đối chính thức (xem *Bổ sung Thực tiễn Quốc gia*).

Như đã trình bày chi tiết trong phần *Bổ sung Thực tiễn Quốc gia* của nghiên cứu này, thực tiễn và thái độ của các quốc gia cho thấy rằng không có luật tập quán quốc tế nào cung cấp một khuôn khổ pháp lý khác biệt, và cho phép thiết lập các đường cơ sở liên quan đến các nhóm đảo xa bờ. Tòa trọng tài trong Vụ kiện Biển Đông đã đưa ra kết luận tương tự, Tòa nhận thấy rằng “không có bằng chứng nào cho thấy bất kỳ thực tiễn nào khác đi so với quy tắc này [tức là, Điều 7] dẫn đến việc hình thành một quy tắc mới của luật tập quán quốc tế khác các quy định rõ ràng của Công ước.”⁷⁶

Bảng 3. Tỷ lệ nước trên đất và diện tích nước bao quanh khi coi mỗi “nhóm đảo” theo CHND Trung Hoa tuyên bố như một tổng thể

“Nhóm đảo”	Tỷ lệ diện tích nước:đất ¹	Diện tích nước “tổng thể” (km ²)
Quần đảo Tây Sa ²	37:1	18,600
Quần đảo Đông Sa ³	5:1	2,400
Quần đảo Trung Sa ³	1282:1	167,100
Quần đảo Nam Sa ³	951:1	350,800
¹ Tỷ lệ này đã được tính toán thận trọng bằng cách coi các vùng nước bên trong các đá bao quanh của các đảo và vành đai san hô là “đất liền”. ² Các số liệu liên quan đến Quần đảo Tây Sa được dựa trên đường cơ sở thẳng của CHND Trung Hoa (Bản đồ 3A). ³ Các số liệu không chính thức, được dựa trên (1) phạm vi địa lý của “các nhóm đảo” mà CHND Trung Hoa tuyên bố chủ quyền, (2) khẳng định của CHND Trung Hoa rằng nước này “sẽ” sử dụng các đường cơ sở thẳng, và (3) khẳng định của CHND Trung Hoa rằng các nhóm đảo phải được coi “như một tổng thể.”		

Cần nhắc lại rằng, mặc dù thực tế là Công ước không cho phép các quốc gia lục địa, chẳng hạn như Trung Quốc, sử dụng đường cơ sở quần đảo (Điều 47), Trung Quốc vẫn cố gắng lập luận rằng luật tập quán quốc tế bằng cách nào đó cho phép nước này vẽ đường cơ sở xung quanh các quần đảo theo yêu sách của mình vượt quá những gì được phép đối với các quốc gia quần đảo. Trong khi Điều 47 quy định rằng tỷ lệ diện tích nước trên diện tích đất liền tối đa có thể được bao bọc trong các đường cơ sở của quần đảo là 9 trên 1, thì tỷ lệ trong các đường cơ sở của CHND Trung Hoa xung quanh *Quần đảo Tây Sa* là khoảng 37 trên 1.⁷⁷ Nếu CHND Trung Hoa cố gắng sử dụng đường cơ sở thẳng bao quanh *Quần đảo Nam Sa* “như một tổng thể”, thì tỷ lệ sẽ vào khoảng 950 trên 1 (tức là 950 km² không gian biển cho mỗi 1 km² đất liền) (Bản đồ 2 và 6A; Bảng 3). Tương tự, các đường cơ sở thẳng bao quanh *Quần đảo Trung Sa* “như một tổng thể” sẽ có tỷ lệ nước trên đất gần 1300 trên 1 (Bản đồ 2 và 5A; Bảng 3). Tỷ lệ giữa nước và đất liền vượt

⁷⁶ Vụ Trọng tài Biển Đông, chú thích 4 trước đó, đoạn 576.

⁷⁷ Các tỷ lệ trong đoạn này và trong Bảng 3 đã được tính toán một cách thận trọng bằng cách coi vùng nước bên trong các đá của các đảo và vành đai san hô là “đất liền,” như được mô tả trong Điều 47 đối với các đường cơ sở quần đảo.

xa bất kỳ hệ thống đường cơ sở thẳng nào được tuyên bố bởi bất kỳ quốc gia nào, bao gồm các quốc gia quần đảo.

Các Vùng biển

CHND Trung Hoa đưa ra yêu sách nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, EEZ và thềm lục địa trên Biển Đông. CHND Trung Hoa đưa ra yêu sách đối với những vùng biển này “dựa trên Nam Hải chư đảo” (là bốn nhóm đảo thuộc chủ quyền của CHND Trung Hoa trên Biển Đông), mỗi nhóm đảo được coi là “*một tổng thể*”.⁷⁸

Nội thủy

Các vùng nước ở phía bên trong đường cơ sở là nội thủy.⁷⁹ Vì vậy, hiệu lực của yêu sách của CHND Trung Hoa đối với nội thủy phụ thuộc vào việc xác lập các đường cơ sở hợp pháp. Như đã bàn luận ở trên, các đường cơ sở của CHND Trung Hoa xung quanh Quần đảo Tây Sa (Quần đảo Hoàng Sa) đều không phù hợp với luật pháp quốc tế. Do đó, yêu sách của CHND Trung Hoa đối với nội thủy nằm trong các đường cơ sở đó đều không có hiệu lực (Bản đồ 3A).

CHND Trung Hoa chưa xác định các đường cơ sở liên quan đến ba “nhóm đảo” mà Trung Quốc yêu sách chủ quyền— *Quần Đảo Đông Sa* (Đảo Đông Sa và các cấu trúc khác), *Quần đảo Trung Sa* (Bãi cạn Scarborough và các cấu trúc khác), và *Quần đảo Nam Sa* (Quần đảo Trường Sa và các cấu trúc khác). Do vậy, trong số ba “nhóm đảo” này, CHND Trung Hoa chưa đưa ra một yêu sách cụ thể đối với nội thủy dựa trên UNCLOS hay *Luật 1992*.⁸⁰

Mặc dù vậy, trong những tuyên bố gần đây, CHND Trung Hoa đã liên tục tuyên bố rằng “CHND Trung Hoa có nội thủy đối với mỗi “nhóm đảo” thuộc yêu sách chủ quyền, bao gồm cả *Quần đảo Đông Sa*, *Quần đảo Trung Sa* và *Quần đảo Nam Sa*.”⁸¹ Như Hội Luật quốc tế Trung Quốc đã ủng hộ lập trường của CHND Trung Hoa đối với *quần đảo Nam Sa*, vì Nam Sa “hoàn toàn đủ điều kiện là một quần đảo,” nên các “vùng nước nối liền với nhau trong quần đảo cũng thuộc chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với *Quần đảo Nam Sa*.”⁸² CHND Trung Hoa vẫn chưa làm rõ phạm vi địa lý của yêu sách đối với nội thủy này. Dựa vào các tuyên bố của CHND Trung Hoa, bao gồm cả quan điểm mỗi nhóm đảo này đều được coi là “một thực thể đơn nhất,” Bản đồ số 2 và Bảng A của Bản đồ số 4, số 5 và số 6 miêu tả phạm vi địa lý của những yêu sách nội thủy bất hợp pháp này.⁸³

Như đã bàn luận ở trên, để yêu sách đối với nội thủy của một nhóm đảo “*như một tổng thể*” có hiệu lực pháp lý, CHND Trung Hoa phải xác lập các đường cơ sở phù hợp với Điều 7 của UNCLOS, đây là điều không thể đối với *Quần đảo Tây Sa*, *Quần đảo Đông Sa*, *Quần đảo Trung Sa* và *Quần đảo Nam Sa*. Nguyên tắc vẽ đường cơ sở phù hợp đối với các đảo trên Biển Đông mà CHND Trung Hoa yêu sách chủ quyền nằm ở Điều 5 (đường cơ sở thông thường), Điều 6 (đá), và Điều 13 (Bãi cạn lúc chìm lúc nổi) của UNCLOS.

Lãnh hải

⁷⁸ Tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc, chú thích 5 *trước đó*, đoạn III(ii); Các tuyên bố của Trung Quốc, chú thích 43 *trước đó*.

⁷⁹ Công ước, chú thích số 2 *trước đó*, điều 8; *Luật 1992*, chú thích số 16 *trước đó*, điều 2 (Phụ lục 3 của nghiên cứu này).

⁸⁰ *Luật 1992*, chú thích 16 *trước đó*, điều 2 (Phụ lục 3 của nghiên cứu này).

⁸¹ Ví dụ, xem Tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc, chú thích 5 *trước đó*, đoạn III(ii).

⁸² Hội Luật quốc tế Trung Quốc, chú thích 45 *trước đó*, tại trang 477, 499.

⁸³ Đối với phạm vi địa lý của bốn nhóm đảo thuộc yêu sách của Trung Quốc, xem chú thích số 41 *trước đó*.

Luật 1992 của CHND Trung Hoa tuyên bố lãnh hải rộng 12 hải lý.⁸⁴ Một yêu sách chủ quyền đối với lãnh hải rộng 12 hải lý, bao gồm cả vùng trời phía trên, đáy biển và lòng đất dưới đáy, nhìn chung phù hợp với luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, yêu sách của CHND Trung Hoa về lãnh hải tính từ các đường cơ sở thẳng bất hợp pháp hay được dựa trên việc coi toàn bộ các nhóm đảo trên Biển Đông là các đơn vị thống nhất không được luật pháp quốc tế cho phép và không được công nhận bởi Hoa Kỳ (Bản đồ 3 đến Bản đồ 6, bảng A). Tương tự như vậy, CHND Trung Hoa không được tuyên bố chủ quyền với lãnh hải được mở rộng từ bất kỳ cấu trúc trên Biển Đông nào mà không phải là một đảo theo định nghĩa tại Điều 121(1). Điều này bao gồm cả các cấu trúc chìm như Bãi Macclesfield, Bãi Tư Chính và Bãi cạn James, cũng như các bãi cạn lúc chìm lúc nổi nằm ngoài lãnh hải hợp pháp, như Đá Vành Khăn và Bãi Cỏ Mây. Như đã chỉ ra tại phần Cơ sở Phân tích ở trên, các cấu trúc không phải đảo trong tình trạng tự nhiên của chúng không thể bị biến đổi bởi con người để đáp ứng định nghĩa về đảo và không có lãnh hải riêng.

Bảng B từ Bản đồ 3 đến Bản đồ 6 miêu tả phạm vi xấp xỉ 12 hải lý của lãnh hải phù hợp với luật pháp quốc tế đối với các đảo và nhóm đảo mà CHND Trung Hoa yêu sách chủ quyền trên Biển Đông.

Luật 1992 của CHND Trung Hoa đồng thời cũng quy định các hạn chế bất hợp pháp đối với quyền qua lại vô hại trong lãnh hải. Cụ thể, Luật yêu cầu các tàu thuyền quân sự nước ngoài phải nhận được sự cho phép của CHND Trung Hoa trước khi đi vào lãnh hải của quốc gia này.⁸⁵ Hơn nữa, trong năm 2021, CHND Trung Hoa đã sửa lại Luật An toàn Giao thông Hàng hải theo hướng giới hạn quyền qua lại vô hại một cách bất hợp pháp.⁸⁶ Theo quy định của luật pháp quốc tế được phản ánh tại Điều 17 của UNCLOS, tàu thuyền của tất cả quốc gia, bao gồm cả tàu quân sự, đều được hưởng quyền qua lại vô hại khi đi qua lãnh hải. Quyền qua lại vô hại không được bị giới hạn bởi yêu cầu phải thông báo trước hay phải có sự cho phép của quốc gia ven biển. Hoa Kỳ đã phản đối những hạn chế bất hợp pháp này của CHND Trung Hoa thông qua kênh ngoại giao và trên hoạt động thực địa.⁸⁷

Vùng tiếp giáp lãnh hải

Luật 1992 của CHND Trung Hoa yêu sách vùng tiếp giáp lãnh hải rộng 12 hải lý nằm ngoài và liền kề với lãnh hải của CHND Trung Hoa.⁸⁸ Trong vùng tiếp giáp lãnh hải, CHND Trung Hoa tuyên bố thẩm quyền được “thực thi quyền lực... nhằm mục đích ngăn ngừa hoặc trừng phạt đối với hành vi xâm phạm tới luật pháp và các quy định về an ninh, hải quan, thuế [và] y tế của CHND Trung Hoa, hay sự xâm phạm tới quyền kiểm soát ra vào trong lãnh thổ đất liền, nội thủy hay lãnh hải của quốc gia này.”⁸⁹ Thẩm quyền ngăn ngừa hay trừng phạt hành vi xâm phạm luật an ninh do CHND Trung Hoa khẳng định này vượt quá thẩm quyền của quốc gia ven biển tại

⁸⁴ *Luật 1992*, chú thích 16 trước đó, điều 3 (Phụ lục 3 của nghiên cứu này).

⁸⁵ *Như trên*, điều 6 (Phụ lục 3 của nghiên cứu này) (dẫn chiếu tới nội dung được cho là quyền được yêu cầu một quốc gia nước ngoài phải nhận được sự chấp thuận trước đó, hay phải gửi thông báo trước tới quốc gia ven biển để tàu thuyền quân sự nước ngoài được đi vào lãnh hải).

⁸⁶ Luật An toàn Giao thông Hàng hải của Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Chỉ thị số 79 của Chủ tịch nước Trung Quốc (2021), bản không chính thức có thể xem trực tuyến tại đây. Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Bắc Kinh đã bày tỏ thái độ phản đối đối với một số yêu cầu của luật này với Bộ Ngoại giao Trung Quốc vào ngày 23/9/2021.

⁸⁷ *Như trên*; Sổ tay Tham khảo Yêu sách trên Biển, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (2017), Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, truy cập tại trang web của Cơ quan tư vấn pháp lý thuộc Hải quân Mỹ [Judge Advocate General's Corps]; các Báo cáo hàng năm về Quyền Tự do Hàng hải của Bộ Quốc phòng, truy cập tại trang web của Bộ Quốc phòng.

⁸⁸ *Luật 1992*, chú thích 16 trước đó, điều 4 (Phụ lục 3 của nghiên cứu này).

⁸⁹ *Như trên*, điều 13.

vùng tiếp giáp lãnh hải bởi điều này không phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế được phản ánh tại Điều 33 của UNCLOS. Hoa Kỳ đã phản đối yêu sách này.⁹⁰

Vùng đặc quyền kinh tế và Thềm lục địa

Luật Vùng Đặc quyền Kinh tế và Thềm lục địa năm 1998 (Luật 1998) của CHND Trung Hoa yêu sách vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý và thềm lục địa kéo dài “... đến bờ ngoài của rìa lục địa hoặc đến cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải 200 hải lý, khi bờ ngoài của rìa lục địa của quốc gia đó ở khoảng cách gần hơn.”⁹¹ Trong phạm vi EEZ và Thềm lục địa, CHND Trung Hoa yêu sách “quyền chủ quyền” với nguồn tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động kinh tế, yêu sách “quyền tài phán” đối với các đảo, công trình và cấu trúc nhân tạo; nghiên cứu khoa học biển; hoạt động bảo vệ và bảo tồn môi trường biển.⁹² Những điều khoản về thẩm quyền liên quan đến EEZ và thềm lục địa này nhìn chung vẫn phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế tại Phần V và VI của UNCLOS.

Tuy nhiên, các yêu sách của CHND Trung Hoa về thẩm quyền tại EEZ và thềm lục địa vượt quá nội dung của UNCLOS trong một số khía cạnh khác. Trong EEZ, CHND Trung Hoa đồng thời khẳng định “quyền tài phán đối với luật pháp và các quy định về hải quan, tài chính, sức khỏe, an ninh và xuất nhập khẩu.”⁹³ Quyền tài phán này không phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế ghi nhận tại UNCLOS và không được Hoa Kỳ công nhận. Hoa Kỳ đã phản đối các nỗ lực của CHND Trung Hoa trong việc khẳng định quyền tài phán này đối với các vụ việc liên quan đến các tàu quân sự và máy bay của Hoa Kỳ hoạt động trên EEZ thuộc yêu sách của CHND Trung Hoa.⁹⁴ *Luật Khảo sát và Bản Đồ* CHND Trung Hoa ban hành năm 2002 cũng vượt quá phạm vi thẩm quyền trên EEZ và thềm lục địa được ghi nhận tại UNCLOS vì đã yêu cầu tất cả hoạt động khảo sát và vẽ bản đồ của pháp nhân nước ngoài trong các vùng biển thuộc quyền tài phán của nước CHND Trung Hoa phải được CHND Trung Hoa chấp thuận.⁹⁵ Mặc dù UNCLOS trao cho các Quốc gia ven biển quyền tài phán trong EEZ và thềm lục địa đối với “hoạt động nghiên cứu khoa học biển”, thẩm quyền này không áp dụng với tất cả các hoạt động khảo sát và vẽ bản đồ, ví dụ như các khảo sát quân sự và khảo sát thủy văn học. Do đó, Hoa Kỳ đã nhiều lần phản đối yêu sách này, trong đó có phản đối bằng hành động thực địa.⁹⁶

Đối với phạm vi địa lý của EEZ và thềm lục địa của CHND Trung Hoa trên Biển Đông, CHND Trung Hoa khẳng định có EEZ và thềm lục địa, dựa trên “Nam Hải chư đảo”, bao gồm “Quần đảo Trung Sa” và “Quần đảo Nam Sa.” Như đã bàn luận ở trên, khẳng định này không phù hợp với luật pháp quốc tế, bởi CHND Trung Hoa không thể có một yêu sách hợp pháp đối với đường cơ sở (để đo các giới hạn trên biển) bao quanh mỗi nhóm đảo mà Trung Quốc yêu sách như “một tổng thể.” Tòa Trọng tài trong *Vụ kiện Biển Đông* cũng đồng thời có kết luận rằng tất cả các đảo thuộc quần đảo Trường Sa đều là “đảo đá” theo Điều 121(3) và do đó, không thể có EEZ hay

⁹⁰ Sổ tay Tham khảo Yêu sách trên Biển, chú thích 87 trước đó, J.A.Roach và R.W.Smith, *Excessive Maritime Claims*, ấn bản số 3 (2012), trang 154-155, chú thích 16.

⁹¹ *Luật 1998*, chú thích số 16 trước đó, điều 2.

⁹² *Như trên*, điều 4.

⁹³ Như trên, điều 8. Tuyên bố này cũng vượt quá nội dung của Công ước tại Điều 60(2): “[Q]uốc gia ven biển sẽ có thẩm quyền riêng biệt đối với... các đảo, công trình và cấu trúc nhân tạo, bao gồm quyền tài phán đối với luật và các quy định về hải quan, tài chính, y tế, an toàn và xuất nhập khẩu.”

⁹⁴ Xem Sổ tay Tham khảo Yêu sách trên Biển, chú thích số 87 trước đó.

⁹⁵ *Luật Khảo sát và Bản đồ* của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, 2002 (Bản dịch tiếng Anh có thể truy cập tại China.org.cn), điều 7. Thuật ngữ “các vùng biển thuộc quyền tài phán của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” được sử dụng không chính xác về địa lý trong rất nhiều đạo luật của Trung Quốc và đôi khi được dẫn chiếu tới yêu sách về quyền lịch sử của Trung Quốc tại Biển Đông.

⁹⁶ Xem Sổ tay Tham khảo Yêu sách trên Biển, chú thích số 87 trước đó.

thềm lục địa. Phán quyết của Tòa trọng tài có giá trị ràng buộc và chung thẩm đối với CHND Trung Hoa và Philippines theo Điều 296 của UNCLOS.⁹⁷

Luật 1998 của CHND Trung Hoa ghi nhận bất kỳ quốc gia nào cũng được hưởng quyền tự do đặt dây cáp và đường ống dẫn ngầm trong EEZ và thềm lục địa của CHND Trung Hoa “nếu hoạt động đó tuân thủ luật pháp quốc tế, luật pháp và quy định của CHND Trung Hoa.”⁹⁸ Luật 1998 còn ghi nhận rằng “[h]oạt động đặt dây cáp và đường ống dẫn ngầm phải được các cơ quan có thẩm quyền của nước CHND Trung Hoa cho phép.”⁹⁹ Một quốc gia ven biển không được giới hạn quyền tự do đặt dây cáp và đường ống dẫn ngầm trong EEZ và thềm lục địa trừ khi việc giới hạn đó được thực hiện theo đúng yêu cầu trong nội dung Điều 79 của UNCLOS. Yêu cầu phải có sự cho phép trước đó của CHND Trung Hoa trong việc đặt dây cáp ngầm trong EEZ và thềm lục địa của CHND Trung Hoa đã vượt quá thẩm quyền của quốc gia này đối với các hoạt động được ghi nhận trong UNCLOS.

Quyền Lịch sử

Trong bối cảnh của phán quyết năm 2016 trong *Vụ kiện Biển Đông*, CHND Trung Hoa lần đầu tiên rõ ràng tuyên bố rằng “CHND Trung Hoa có quyền lịch sử trên Biển Đông” và yêu sách này “dựa trên thực tiễn hoạt động của người dân và chính phủ CHND Trung Hoa trong suốt chiều dài lịch sử.”¹⁰⁰ Mặc dù CHND Trung Hoa chưa thể đưa ra các thông tin cụ thể về phạm vi địa lý của yêu sách về quyền lịch sử này, có vẻ rằng yêu sách này có thể sẽ trùng với yêu sách đường đứt đoạn trên bản đồ CHND Trung Hoa (xem Bản đồ 1 và 2).¹⁰¹

Mặc dù các tuyên bố này giúp cộng đồng quốc tế biết rằng CHND Trung Hoa có yêu sách về một số “quyền lịch sử” trên Biển Đông, CHND Trung Hoa chưa hề cung cấp thông tin bổ sung về nội hàm của yêu sách này. Ví dụ, cộng đồng quốc tế vẫn chưa biết CHND Trung Hoa yêu sách đối với quyền cụ thể nào, liệu các quyền này là đặc quyền hay có thể chia sẻ với các quốc gia ven biển khác.¹⁰² CHND Trung Hoa đã tuyên bố rằng quyền lịch sử của quốc gia này được luật pháp quốc tế bảo vệ¹⁰³ nhưng chưa hề đưa lý giải pháp lý nào đối với yêu sách này.

Thừa nhận rằng tính mơ hồ khiến cho yêu sách này không đầy đủ nếu chỉ xét chính nó, nghiên cứu *Ranh giới trên Biển số 143* tiếp tục phản ánh các quan điểm của Hoa Kỳ đối với yêu sách về quyền lịch sử của CHND Trung Hoa trên Biển Đông. Các kết luận của nghiên cứu này cho rằng bất kỳ yêu sách về quyền lịch sử nào đều:

⁹⁷ Hoa Kỳ chưa đưa ra lập trường đối với vấn đề liệu các đảo cụ thể trên Biển Đông có phải các “đảo đá” theo Điều 121(3) của Công ước hay không.

⁹⁸ *Luật 1998*, chú thích số 16 trước đó, điều 11.

⁹⁹ *Như trên*.

¹⁰⁰ Tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc, chú thích số 5 trước đó, đoạn III (Phụ lục I của nghiên cứu này); xem thêm Bài phát biểu của Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Hồng Lỗi, ngày 06/7/2016, truy cập tại trang web của Bộ Ngoại giao (“Quyền lịch sử của Trung Quốc trên Biển Đông hình thành trong suốt chiều dài lịch sử, và được xây dựng vững chắc trên nền tảng lịch sử và nền tảng pháp lý.”) Từ đó, Trung Quốc cũng đã đưa ra các tuyên bố tương tự trong nhiều công hàm gửi tới các quốc gia thành viên của Liên Hợp quốc, một số công hàm được trích đoạn trong Phụ lục 2 của nghiên cứu này.

¹⁰¹ “Báo cáo Sơ bộ về các Dữ kiện liên quan đến vấn đề Quyền Lịch sử trong vụ Trọng tài Biển Đông và khả năng áp dụng của Luật trong vụ việc này,” ngày 30/6/2016, truy cập tại trang web của Phái đoàn của Trung Quốc tại Liên minh Châu Âu (dẫn chiếu tới quyền lịch sử của Trung Quốc “đối với tổng thể vùng biển bao quanh bởi đường đứt đoạn”). Mặc dù vậy, Trung Quốc chưa hề thêm hay dẫn chiếu cụ thể tới một bản đồ hay đường đứt đoạn nào trong các tuyên bố của quốc gia này về yêu sách quyền lịch sử.

¹⁰² Trung Quốc đã tuyên bố mang ngụ ý rằng yêu sách về quyền lịch sử rất rộng nhưng không cụ thể như sau:

“Quyền lịch sử này không nên là một quyền cụ thể nào hay là tập hợp của một số quyền nhất định; thay vào đó, các quyền này nên là quyền nói chung đối với tổng thể vùng biển bao bọc trong đường đứt đoạn.” *Như trên*.

¹⁰³ Bài phát biểu, chú thích số 100 trước đó.

... không nằm trong loại yêu sách lịch sử hạn hẹp được ghi nhận tại Điều 10 và 15 của UNCLOS. Biển Đông là một vùng biển nửa kín rộng lớn, nơi có nhiều các quốc gia ven biển xác lập các vùng biển như EEZ và thềm lục địa, phù hợp với UNCLOS; luật biển không cho phép các quyền đó bị bác bỏ hiệu lực bởi các yêu sách trên biển của một quốc gia khác mà dựa trên “lịch sử”. Ngược lại, một mục đích và thành tựu lớn của UNCLOS là đem lại sự rõ ràng và thống nhất trong việc xác lập các vùng biển của các quốc gia ven biển.¹⁰⁴

Cộng đồng quốc tế, bao gồm các quốc gia ven biển trên Biển Đông, đã tuyên bố rõ ràng lập trường phản đối yêu sách về quyền lịch sử của CHND Trung Hoa. Úc,¹⁰⁵ Pháp,¹⁰⁶ Đức,¹⁰⁷ Indonesia,¹⁰⁸ Nhật Bản,¹⁰⁹ Malaysia,¹¹⁰ New Zealand,¹¹¹ Philippines,¹¹² Vương quốc Anh,¹¹³ Hoa Kỳ¹¹⁴ và Việt Nam¹¹⁵ đều đã phản đối công khai yêu sách về quyền lịch sử không phù hợp với luật pháp quốc tế của CHND Trung Hoa.

Toà Trọng tài trong *Vụ kiện Biển Đông* cũng bác bỏ yêu sách của CHND Trung Hoa về quyền lịch sử trên Biển Đông. Cụ thể, phán quyết năm 2016 tuyên bố rằng:

[Đ]ối với tranh chấp giữa Philippines và CHND Trung Hoa, các yêu sách của CHND Trung Hoa về quyền lịch sử, hay các quyền chủ quyền và quyền tài phán khác, đối với

¹⁰⁴ Ranh giới trên Biển số 143, chú thích 1 *trước đó*, trang 23.

¹⁰⁵ Công hàm Ngoại giao Úc, chú thích 52 *trước đó* (“Úc phản đối yêu sách của Trung Quốc đối với ‘quyền lịch sử’ hay ‘quyền và lợi ích trên biển’ được thiết lập trong suốt chiều dài lịch sử thực tiễn hoạt động trên Biển Đông.”).

¹⁰⁶ Phái đoàn thường trực của Pháp tại LHQ, Công hàm thường số 2020-0343647, ngày 16/9/2020 (“các yêu sách về việc thực thi quyền lịch sử tại vùng nước trên Biển Đông không tuân thủ luật pháp quốc tế và các quy định của UNCLOS”).

¹⁰⁷ Công hàm của Đức, chú thích số 66 (“các yêu sách về việc thực thi quyền lịch sử tại vùng nước trên Biển Đông không tuân thủ luật pháp quốc tế và các quy định của UNCLOS”).

¹⁰⁸ Phái đoàn thường trực của Indonesia tại LHQ, Công hàm số 126/POL-703/V/20, ngày 26/5/2020 (“Indonesia nhắc lại rằng bản đồ đường chín đoạn ngụ ý chỉ yêu sách đối với quyền lịch sử rõ ràng không có căn cứ pháp lý quốc tế và ngang với việc làm mất đi giá trị của UNCLOS 1982”).

¹⁰⁹ Bộ Ngoại giao, Sách xanh Ngoại giao 2020: Ngoại giao Nhật Bản và Tình hình Quốc tế trong năm 2019, trang 82 (“Nhật Bản đã chỉ ra rằng yêu sách đối với quyền lịch sử trên Biển Đông của Trung Quốc rõ ràng không có căn cứ pháp lý theo luật pháp quốc tế....”).

¹¹⁰ Phái đoàn thường trực của Malaysia tại LHQ, Công hàm thường số HA26/20, ngày 29/7/2020 (bác bỏ “yêu sách đối với quyền lịch sử hay các quyền chủ quyền và quyền tài phán khác của Trung Quốc đối với các vùng biển trên Biển Đông bao quanh bởi các phần liên quan của ‘đường chín đoạn’ bởi các quyền đó trái với Công ước và không có hiệu lực pháp lý bởi đã vượt quá những giới hạn về địa lý và bản chất quyền trên biển của Trung Quốc tại Công ước”).

¹¹¹ Công hàm của New Zealand, chú thích 52 *trước đó*, (“Không có cơ sở pháp lý nào cho các quốc gia yêu sách về quyền lịch sử đối với các vùng biển trên Biển Đông”).

¹¹² *Vụ Trọng tài Biển Đông*, chú thích số 4, đoạn 192-199 (tóm tắt luận điểm của Philippines về việc bác bỏ yêu sách về quyền lịch sử của Trung Quốc).

¹¹³ Phái đoàn của Vương quốc Anh tại LHQ, Công hàm thường số 162/20, ngày 16/9/2020 (“các yêu sách về việc thực thi quyền lịch sử trên Biển Đông không tuân thủ luật pháp quốc tế và các quy định của UNCLOS”). Để đọc các tuyên bố đầy đủ hơn, xem *UK government’s position on legal issues arising in the South China Sea*, lưu trữ tại Hạ Viện, ngày 03/9/2020, truy cập tại trang web của Nghị viện Vương quốc Anh.

¹¹⁴ Công hàm Ngoại giao Hoa Kỳ, ngày 28/12/2016, tái bản trong *Digest of U.S. Practice in International Law 2016*, trang 520-522 (bác bỏ yêu sách về quyền lịch sử bất hợp pháp của Trung Quốc); Công hàm Hoa Kỳ, chú thích số 51 (“[M]ỹ phản đối yêu sách về ‘quyền lịch sử’ của Trung Quốc bởi yêu sách đó vượt quá quyền có được biển mà Trung Quốc có thể khẳng định mà vẫn tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế tại Công ước”).

¹¹⁵ Công hàm của Việt Nam, chú thích số 52 *trước đó* (“Việt Nam phản đối các yêu sách của Trung Quốc được nhắc đến trong các Công hàm thường trước đó [yêu sách về quyền lịch sử trên Biển Đông]”; “... Công ước LHQ về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) đưa ra căn cứ pháp lý duy nhất một cách toàn diện và giới hạn phạm vi của từng quyền có được biển trên Biển Đông” [Biển Nam Trung Hoa].”)

các vùng biển trên Biển Đông bao bọc bởi các phần liên quan của ‘đường chín đoạn’ đều trái với UNCLOS và không có hiệu lực pháp lý bởi các quyền này đã vượt quá những giới hạn địa lý và bản chất các quyền trên biển trong UNCLOS. Toà trọng tài kết luận rằng UNCLOS đã thay thế cho bất kỳ quyền lịch sử, các quyền chủ quyền hay quyền tài phán nào khác vượt quá giới hạn được quy định trong UNCLOS.¹¹⁶

Kết luận

Trong những năm kể từ khi Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố nghiên cứu *Ranh giới trên Biển số 143* năm 2014 và từ lúc Toà trọng tài đưa ra phán quyết tại vụ *Trọng tài Biển Đông* năm 2016, CHND Trung Hoa đã nêu ra cách diễn giải mới về các yêu sách biển tại Biển Đông. Những yêu sách biển bành trướng này rõ ràng không phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế được thể hiện trong UNCLOS.

Thứ nhất, yêu sách chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với các thực thể trên biển không đáp ứng định nghĩa về “đảo” trong luật quốc tế và nằm hoàn toàn ngoài lãnh hải hợp pháp là không phù hợp với luật quốc tế và không được công nhận bởi Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Các yêu sách này bao gồm bất kỳ tuyên bố chủ quyền nào đối với các thực thể chìm hoàn toàn như Bãi cạn James, Bãi Tư Chính và Bãi Macclesfield. Các yêu sách này cũng bao gồm bất kỳ tuyên bố chủ quyền nào đối với các bãi cạn lúc chìm lúc nổi như Đá Vành Khăn và Bãi Cỏ Mây - những thực thể biển nằm hoàn toàn ngoài khu vực lãnh hải hợp pháp và không phải là đối tượng thụ đắc lãnh thổ trong luật quốc tế.

Thứ hai, đường cơ sở của CHND Trung Hoa bao quanh Quần đảo Tây Sa (Quần đảo Hoàng Sa) và mục đích thiết lập đường cơ sở thẳng bao quanh các “nhóm đảo” khác trên Biển Đông của CHND Trung Hoa cũng không phù hợp với luật pháp quốc tế. Không có đảo hay nhóm đảo nào trong 4 nhóm CHND Trung Hoa cho là cấu thành “Nam Hải chư đảo” đáp ứng được tiêu chí địa lý đối với đường cơ sở thẳng được ghi nhận trong Điều 7 của UNCLOS. Mặc dù các quy định về đường cơ sở của UNCLOS đã mang tính toàn diện, CHND Trung Hoa vẫn khẳng định có các luật tập quán quốc tế khác, nằm ngoài UNCLOS, nhằm biện minh cho các yêu sách về đường cơ sở thẳng tại Biển Đông của mình. Lập trường này của CHND Trung Hoa, theo *Tài liệu Bổ sung về Thực tiễn Quốc gia* của nghiên cứu này, là không có căn cứ. Các bằng chứng thu thập trong *Tài liệu Bổ sung* kết luận đầy thuyết phục rằng yêu cầu hình thành luật tập quán quốc tế liên quan đến các nhóm đảo ngoài khơi đều không được đáp ứng và do đó, không có bất kỳ quy định tập quán quốc tế nào đưa ra căn cứ pháp lý thay thế để các quốc gia lục địa như CHND Trung Hoa đưa ra yêu sách đối với đường cơ sở thẳng bao quanh các nhóm đảo ngoài khơi.

Thứ ba, tương tự, yêu sách các vùng biển của CHND Trung Hoa “dựa trên Nam Hải chư đảo” cũng không phù hợp với luật pháp quốc tế. Bất kỳ tuyên bố nào về nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa dựa trên cơ sở coi các nhóm đảo trên Biển Đông là “một thể thống nhất” đều không được luật pháp quốc tế cho phép. Trong các vùng biển CHND Trung Hoa yêu sách, nước này cũng đưa ra một loạt yêu sách về quyền tài phán không phù hợp với luật pháp quốc tế. Các yêu sách này bao gồm: yêu cầu tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện qua lại vô hại trong lãnh hải phải được CHND Trung Hoa cho phép trước; thẩm quyền ngăn chặn và trừng phạt các hành vi vi phạm các luật “an ninh” trong vùng tiếp giáp lãnh hải mà CHND Trung Hoa; các quy định hạn chế của nước này với hoạt động quân sự tại EEZ.

¹¹⁶ Vụ *Trọng tài Biển Đông*, chú thích số 4, đoạn 278. Kết luận này thống nhất với Phán quyết của Toà ICJ trong vụ *Phân định Ranh giới biển tại khu vực Vịnh Maine*, chú thích 35 trước đó và văn bản kèm theo.

Cuối cùng, giống như kết luận trong Báo cáo *Ranh giới trên Biển số 143*, yêu sách về “quyền lịch sử trên Biển Đông” của CHND Trung Hoa rõ ràng không phù hợp với luật pháp quốc tế bởi quyền lịch sử này vượt quá các giới hạn vùng biển có thể có của CHND Trung Hoa theo luật quốc tế được thể hiện trong UNCLOS. Yêu sách về quyền lịch sử của CHND Trung Hoa đã bị Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác phản đối và bị Toà trọng tài trong *Vụ kiện Biển Đông* bác bỏ.

Hệ quả chung của các yêu sách trên biển này là: các yêu sách chủ quyền hay quyền tài phán riêng biệt với phần lớn khu vực Biển Đông của CHND Trung Hoa là bất hợp pháp. Đặc biệt là khi cân nhắc phạm vi địa lý và nội hàm bành trướng, những yêu sách này làm suy yếu nghiêm trọng thượng tôn pháp luật trên biển và đại dương và các quy định luật pháp quốc tế được công nhận phổ quát được thể hiện trong UNCLOS.

VIỆN BIỂN ĐÔNG

Phụ lục:

Trích đoạn các Công hàm Ngoại giao của Chính phủ CHND Trung Hoa

A. Công hàm số CML/14/2019, ngày 12/12/2019, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của Malaysia)

... Trung Quốc có chủ quyền đối với Nam Hải chư đảo [Các đảo trên Biển Đông], bao gồm Quần đảo Đông Sa, Quần đảo Tây Sa, Quần đảo Trung Sa và Quần đảo Nam Sa; CHND Trung Hoa có nội thủy, lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải, dựa trên Nam Hải chư đảo; CHND Trung Hoa có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, dựa trên Nam Hải chư đảo; CHND Trung Hoa có quyền lịch sử trên Biển Đông. Các lập trường trên của CHND Trung Hoa tuân thủ các quy định liên quan của luật pháp quốc tế và thực tiễn. Các lập trường này rất rõ ràng và thống nhất, đều đã được cộng đồng quốc tế biết đến, bao gồm cả Chính phủ Malaysia.

B. Công hàm số CML/11/2020, ngày 23/3/2020, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của Philippines)

... CHND Trung Hoa có chủ quyền đối với Nam Hải chư đảo và các vùng nước liền kề, đối với cả đảo Hoàng Nham [Bãi cạn Scarborough] và các vùng nước liền kề, và được hưởng quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển. CHND Trung Hoa có quyền lịch sử trên Biển Đông. Chủ quyền, các quyền liên quan và quyền tài phán của CHND Trung Hoa trên Biển Đông đều được củng cố bằng rất nhiều bằng chứng lịch sử và pháp lý.

... Là một phần của Quần đảo Trung Sa của CHND Trung Hoa, đảo Hoàng Nham [Bãi cạn Scarborough] là phần lãnh thổ không thể tách rời của CHND Trung Hoa.

C. Công hàm số CML/42/2020, ngày 17/4/2020, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của Việt Nam)

... CHND Trung Hoa có chủ quyền đối với Quần đảo Tây Sa, Quần đảo Nam Sa và các vùng nước liền kề. CHND Trung Hoa có quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển. CHND Trung Hoa có quyền lịch sử trên Biển Đông. Chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với Nam Hải chư đảo [các đảo trên Biển Đông] và các quyền và lợi ích khác của CHND Trung Hoa trên Biển Đông được thiết lập trong suốt chiều dài lịch sử thực tiễn. Các quyền và lợi ích đó đều đã được các Chính phủ tiếp nối của CHND Trung Hoa ủng hộ và phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm cả Hiến chương LHQ.

D. Công hàm số CML/46/2020, ngày 02/6/2020, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của Indonesia)

... CHND Trung Hoa có chủ quyền đối với Nam Hải chư đảo (bao gồm Quần đảo Nam Sa) và các vùng nước liền kề. Dựa trên Nam Hải chư đảo, CHND Trung Hoa có nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. CHND Trung Hoa có quyền lịch sử trên Biển Đông. Chủ quyền của CHND Trung Hoa đối với Nam hải chư đảo, các quyền và lợi ích trên Biển Đông của CHND Trung Hoa được thiết lập trong suốt chiều dài lịch sử thực tiễn và phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm cả Hiến chương LHQ và Công ước LHQ về Luật Biển (UNCLOS).

E. Công hàm số CML/54/2020, ngày 29/7/2020, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của Úc)

... Việc xác lập đường cơ sở lãnh hải của CHND Trung Hoa trên Biển Đông tuân thủ theo Công ước LHQ về Luật Biển và luật quốc tế nói chung. CHND Trung Hoa, Với tư cách là một quốc gia có chủ quyền, đây là quyền không thể tách rời của CHND Trung Hoa trong việc thực hiện các hoạt động xây dựng trên các đảo và đá liên quan trên Biển Đông.

F. Công hàm số CML/63/2020, ngày 18/9/2020, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của Pháp, Đức, và Vương Quốc Anh)

... UNCLOS không điều chỉnh tất cả các vấn đề về trật tự trên biển. Đoạn 8 của Lời nói đầu của UNCLOS nhấn mạnh rằng “các vấn đề không được điều chỉnh bởi Công ước này sẽ tiếp tục được điều chỉnh bởi các quy tắc và nguyên tắc của luật quốc tế nói chung”.

... CHND Trung Hoa hết sức coi trọng các điều khoản và điều kiện áp dụng được ghi nhận trong UNCLOS đối với việc vẽ đường cơ sở để xác định lãnh hải. Đồng thời, CHND Trung Hoa tin rằng thực tiễn đã được thiết lập từ lâu đời trong luật pháp quốc tế liên quan đến các quần đảo ngoài khơi của các quốc gia lục địa phải được tôn trọng. Việc CHND Trung Hoa vẽ đường cơ sở để xác định lãnh hải đối với các đảo và đá liên quan trên Biển Đông tuân thủ theo UNCLOS và luật quốc tế nói chung.

G. Công hàm CML/1/2021, ngày 28/01/2021, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của Nhật Bản)

... Việc CHND Trung Hoa vẽ đường cơ sở để xác định lãnh hải đối với các đảo và đá liên quan trên Biển Đông tuân thủ theo UNCLOS và luật quốc tế nói chung.

... CHND Trung Hoa có chủ quyền đối với Nam Hải chư đảo, bao gồm Đá Vành Khăn và các vùng nước và vùng trời liên kề.

H. Công hàm CML/32/2021, ngày 16/8/2021, gửi tới Tổng Thư ký LHQ (phúc đáp công hàm của New Zealand)

... Chủ quyền lãnh thổ và các quyền và lợi ích trên Biển Đông của CHND Trung Hoa được thiết lập trong suốt chiều dài lịch sử. Các quyền này đã được các Chính phủ nối tiếp của CHND Trung Hoa ủng hộ và phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm cả Hiến chương LHQ và Công ước LHQ về Luật Biển (UNCLOS).

... Phải nhìn nhận rằng UNCLOS không phải là văn bản điều chỉnh tất cả trật tự trên biển. Các quốc gia thành viên của UNCLOS đều công nhận rằng “các vấn đề không được điều chỉnh bởi Công ước này sẽ tiếp tục được điều chỉnh bởi các quy tắc và nguyên tắc của luật quốc tế nói chung”.

... UNCLOS không loại bỏ quyền lịch sử đã được thiết lập trong suốt chiều dài lịch sử thực tiễn của một quốc gia ven biển. Các án lệ quốc tế liên quan cũng đã công nhận quyền lịch sử này.

Trung Quốc có nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, dựa trên Nam Hải chư đảo... Chế độ pháp lý của các quần đảo ngoài khơi của các quốc gia lục địa không được điều chỉnh bởi UNCLOS, và các quy tắc của luật quốc tế nói chung cần tiếp tục được áp dụng trong lĩnh vực này. Có đầy đủ thực tiễn quốc tế để trở thành một căn cứ cho chế độ pháp lý này. Chế độ này phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm cả UNCLOS và thực tiễn quốc tế.

Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa về đường cơ sở xác định lãnh hải, ngày 15/5/1996

Theo Luật Lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, thông qua và ban hành ngày 25/02/1992, Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa sau đây thông báo đường cơ sở của phần lãnh hải liền kề đại lục và đường cơ sở của phần lãnh hải liền kề Quần đảo Tây Sa như sau:

I. Đường cơ sở của phần lãnh hải liền kề đại lục được cấu thành bởi tất cả các đường cơ sở thẳng nối giữa các điểm cơ sở liền kề được liệt kê dưới đây:

...

II. Đường cơ sở của phần lãnh hải liền kề Quần đảo Tây Sa của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được cấu thành bởi tất cả các đường cơ sở thẳng nối giữa các điểm cơ sở liền kề được liệt kê dưới đây:

1. Đảo Lincon (1)	16° 40.5' N	112° 44.2' E
2. Đảo Lincon (2)	16° 40.1' N	112° 44.5' E
3. Đảo Lincon (3)	16° 39.8' N	112° 44.7' E
4. Đá Bông Bay (1)	16° 04.4' N	112° 35.8' E
5. Đá Bông Bay (2)	16° 01.9' N	112° 32.7' E
6. Đá Bông Bay (3)	16° 01.5' N	112° 31.8' E
7. Đá Bông Bay (4)	16° 01.4' N	112° 29.8' E
8. Đảo Tri Tôn (1)	15° 46.5' N	111° 12.6' E
9. Đảo Tri Tôn (2)	15° 46.4' N	111° 12.1' E
10. Đảo Tri Tôn (3)	15° 46.4' N	111° 11.8' E
11. Đảo Tri Tôn (4)	15° 46.5' N	111° 11.6' E
12. Đảo Tri Tôn (5)	15° 46.7' N	111° 11.4' E
13. Đảo Tri Tôn (6)	15° 46.9' N	111° 11.3' E
14. Đảo Tri Tôn (7)	15° 47.2' N	111° 11.4' E
15. Đá Bắc (1)	17° 04.9' N	111° 26.9' E
16. Đá Bắc (2)	17° 05.4' N	111° 26.9' E
17. Đá Bắc (3)	17° 05.7' N	111° 27.2' E
18. Đá Bắc (4)	17° 06.0' N	111° 27.8' E
19. Đá Bắc (5)	17° 06.5' N	111° 29.2' E
20. Đá Bắc (6)	17° 07.0' N	111° 31.0' E
21. Đá Bắc (7)	17° 07.1' N	111° 31.6' E
22. Đá Bắc (8)	17° 06.9' N	111° 32.0' E
23. Cồn Cát Tây (1)	16° 59.9' N	112° 14.7' E

24. Cồn Cát Tây (2)	16° 59.7' N	112° 15.6' E
25. Cồn Cát Tây (3)	16° 59.4' N	112° 16.6' E
26. Đảo Bắc	16° 58.4' N	112° 18.3' E
27. Đảo Trung	16° 57.6' N	112° 19.6' E
28. Đảo Nam	16° 56.9' N	112° 20.5' E
1. Đảo Lincon (1)	16° 40.5' N	112° 44.2' E

Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa sẽ thông báo về các đường cơ sở còn lại của lãnh hải nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tại một thời điểm khác.

VIỆN BIỂN ĐÔNG

Độ dài đường cơ sở “Quần đảo Tây Sa”

Điểm bắt đầu	Điểm kết thúc	Độ dài (hải lý)
1. Đảo Lincon (1)	2. Đảo Lin con (2)	0.49
2. Đảo Lin con (2)	3. Đảo Lin con (3)	0.35
3. Đảo Lin con (3)	4. Đá Bông Bay (1)	36.28
4. Đá Bông Bay (1)	5. Đá Bông Bay (2)	3.89
5. Đá Bông Bay (2)	6. Đá Bông Bay (3)	0.95
6. Đá Bông Bay (3)	7. Đá Bông Bay (4)	1.99
7. Đá Bông Bay (4)	8. Đảo Tri Tôn (1)	75.79
8. Đảo Tri Tôn (1)	9. Đảo Tri Tôn (2)	0.49
9. Đảo Tri Tôn (2)	10. Đảo Tri Tôn (3)	0.29
10. Đảo Tri Tôn (3)	11. Đảo Tri Tôn (4)	0.22
11. Đảo Tri Tôn (4)	12. Đảo Tri Tôn (5)	0.27
12. Đảo Tri Tôn (5)	13. Đảo Tri Tôn (6)	0.23
13. Đảo Tri Tôn (6)	14. Đảo Tri Tôn (7)	0.31
14. Đảo Tri Tôn (7)	15. Đá Bắc (1)	78.80
15. Đá Bắc (1)	16. Đá Bắc (2)	0.50
16. Đá Bắc (2)	17. Đá Bắc (3)	0.41
17. Đá Bắc (3)	18. Đá Bắc (4)	0.65
18. Đá Bắc (4)	19. Đá Bắc (5)	1.43
19. Đá Bắc (5)	20. Đá Bắc (6)	1.80
20. Đá Bắc (6)	21. Đá Bắc (7)	0.58
21. Đá Bắc (7)	22. Đá Bắc (8)	0.43
22. Đá Bắc (8)	23. Cồn Cát Tây (1)	41.50
23. Cồn Cát Tây (1)	24. Cồn Cát Tây (2)	0.88
24. Cồn Cát Tây (2)	25. Cồn Cát Tây (3)	1.00
25. Cồn Cát Tây (3)	26. Đảo Bắc	1.91
26. Đảo Bắc	27. Đảo Trung	1.48
27. Đảo Trung	28. Đảo Nam	1.11
28. Đảo Nam	1. Đảo Lincon (1)	27.99

* Tên các điểm cơ sở đều được trích từ *Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa về đường cơ sở xác định lãnh hải* (Phụ lục 5 của nghiên cứu này) và không nhất thiết là tên địa lý chính thức từ phía Hoa Kỳ.

Nhóm dịch: Phạm Nhung, Minh Dương, Lan Hương & Đỗ Hoàng

VIỆN BIỂN ĐÔNG